

Phụ lục 2



PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ CỦA CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Phương án số.06/PA-UBND ngày 10/6/2026 của UBND tỉnh)

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5
	Tổng số	881.520	1.400	1.293	881.520	
1	Phường An Bình	7782	11	12	7782	
1	Tổ dân phố 1	372	Tổ dân phố 1	1	795	
	Tổ dân phố 2	423				
2	Tổ dân phố 4	428	Tổ dân phố 2	2	955	
	Tổ dân phố 5	342				
	185 hộ Tổ dân phố 3	185				
3	135 hộ Tổ dân phố 3	135	Tổ dân phố 3	1	752	
	Tổ dân phố 6	307				
	Tổ dân phố 7	310				
4	Tổ dân phố Hiệp Phú	273	Tổ dân phố 4	1	521	
	Tổ dân phố Hiệp An	248				
5	Tổ dân phố An Sơn	311	Tổ dân phố 5	1	617	
	Tổ dân phố An Thuận	306				
6	Tổ dân phố Chí Công	393	Tổ dân phố 6	1	777	
	Tổ dân phố An Định	384				
7	Tổ dân phố Tân Bình	319	Tổ dân phố 7	1	588	
	Tổ dân phố Tân Tụ	269				
8	Tổ dân phố Tân Hiệp	316	Tổ dân phố 8	1	580	
	Tổ dân phố Tân Sơn	264				
9	Tổ dân phố Tân Phong	386	Tổ dân phố 9	1	668	
	Tổ dân phố Tân Hội	282				
10	Tổ dân phố Tân Hòa	267	Tổ dân phố 10	1	674	
	Tổ dân phố Tân Lập	407				
11	Tổ dân phố Tân Định	477	Tổ dân phố 11	1	855	
	Tổ dân phố Tư Lương	378				
2	Phường An Khê	11989	16	18	11989	
1	Tổ 1 Tây Sơn (trừ 80 hộ chuyển qua TDP An Phú 1 mới)	406	Tổ dân phố Tây Sơn	1	768	
	Tổ 2 Tây Sơn	362				
2	Tổ 3 Tây Sơn	413	Tổ dân phố Tây Sơn 1	1	829	
	Tổ 4 Tây Sơn	416				
3	Tổ 5 Tây Sơn	434	Tổ dân phố Tây Sơn 2	1	872	
	Tổ 7 Tây Sơn	438				
4	Tổ 6 Tây Sơn	627	Tổ dân phố Tây Sơn 3	0	627	
5	Tổ 6 An Phú	338	Tổ dân phố An Phú	1	650	
	Tổ 7 An Phú	312				
6	Tổ 1 Tây Sơn (80 hộ)	80	Tổ dân phố An Phú 1	1	777	
	Tổ 1 An Phú	331				
	Tổ 8 An Phú	366				
7	Tổ 3 An Phú (trừ 72 hộ chuyển qua TDP An Tân mới)	340	Tổ dân phố An Phú 2	1	737	
	Tổ 2 An Phú (80 hộ)	80				
	Tổ 5 An Phú	317				
8	Tổ 9 An Phú	462	Tổ dân phố An Phú 3	1	789	
	Tổ 14 An Phú	327				
9	Tổ 13 An Phú	318	Tổ dân phố An Phú 4	1	676	
	Tổ 15 An Phú	358				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
10	Tổ 2 An Phú (tách 80 hộ chuyển qua TDP An Phú 2 mới)	233	Tổ dân phố An Tân	1	787	
	Tổ 3 An Phú (72 hộ)	72				
	Tổ 2 An Tân (96 hộ)	96				
	Tổ 3 An Tân	386				
11	Tổ 1 An Tân	392	Tổ dân phố An Tân 1	1	622	
	Tổ 2 An Tân (tách 96 hộ chuyển qua TDP An Tân mới)	230				
12	Tổ 1 Ngô Mây	387	Tổ dân phố Ngô Mây	1	841	
	Tổ 2 Ngô Mây	352				
	Tổ 1 An Phước (102 hộ)	102				
13	Tổ 3 Ngô Mây	351	Tổ dân phố Ngô Mây 1	1	709	
	Tổ 4 Ngô Mây	358				
14	Tổ 1 An Phước (tách 102 hộ chuyển qua TDP Ngô Mây mới)	148	Tổ dân phố An Phước	2	813	
	Tổ 2 An Phước	305				
	Tổ 3 An Phước	360				
15	Tổ 1 Thành An	398	Tổ dân phố Thành An	2	815	
	Tổ 2 Thành An	228				
	Tổ 6 Thành An	189				
16	Tổ 3 Thành An	197	Tổ dân phố Thành An 1	2	677	
	Tổ 4 Thành An	217				
	Tổ 5 Thành An	263				
3	Phường An Nhơn	12239	12	13	12239	
1	Tổ dân phố Mỹ Hòa	303	Tổ dân phố Bằng Châu	1	1.281	
	Tổ dân phố Bằng Châu	978				
2	Tổ dân phố Bà Canh	1.099	Tổ dân phố Bà Canh	0	1.099	
3	Tổ dân phố Nam Phương Danh	830	Tổ dân phố Đập Đá	1	1.440	
	Tổ dân phố Đông Phương Danh	610				
4	Tổ dân phố Tây Phương Danh	625	Tổ dân phố Phương Danh	1	1.273	
	Tổ dân phố Bắc Phương Danh	648				
5	Tổ dân phố Ngãi Chánh	457	Tổ dân phố Nhạn Tháp	1	1.003	
	Tổ dân phố Bắc Nhạn Tháp	546				
6	Tổ dân phố Thạnh Danh	505	Tổ dân phố Thạnh Danh	1	792	
	Tổ dân phố Nam Nhạn Tháp	287				
7	Tổ dân phố Thiết Trụ	175	Tổ dân phố Vân Sơn	1	1.049	
	Tổ dân phố Vân Sơn	874				
8	Tổ dân phố Bắc Thuận	259	Tổ dân phố Tân Thuận Hòa	2	1.025	
	Tổ dân phố Nam Tân	529				
	Tổ dân phố Đại Hòa	237				
9	Tổ dân phố Thiết Trảng	295	Tổ dân phố Thiết Thuận	1	679	
	Tổ dân phố Thuận Đức	384				
10	Tổ dân phố Hòa Phong	440	Tổ dân phố Hòa Tân	1	881	
	Tổ dân phố Tân Kiều	441				
11	Tổ dân phố Đại An	226	Tổ dân phố An Bình	1	588	
	Tổ dân phố Đại Bình	362				
12	Tổ dân phố Nghĩa Hòa	150	Tổ dân phố Tân Nghĩa	2	1.129	
	Tổ dân phố Tân Đức	566				
	Tổ dân phố Tân Nghi	413				
4	Phường An Nhơn Bắc	9502	11	16	9502	
1	Tổ dân phố Vĩnh phú	391	Tổ dân phố Tiên Hội	1	1.336	
	Tổ dân phố Tiên Hội	945				
2	Tổ dân phố Vạn Thuận	453	Tổ dân phố Châu Thành	1	931	
	Tổ dân phố Châu Thành	478				
3	Tổ dân phố Phú Thành	753	Tổ dân phố Phú Thành	1	1.091	
	Tổ dân phố Lý Tây	338				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
4	Tổ dân phố Nhơn Thuận	414	Tổ dân phố Nhơn Thuận	1	681	
	Tổ dân phố An Lợi	267				
5	Tổ dân phố Thanh Giang	383	Tổ dân phố Trung Lý	1	884	
	Tổ dân phố Trung Lý	501				
6	Tổ dân phố Thanh Danh	197	Tổ dân phố Kim Tài	2	743	
	Tổ dân phố Kim Tài	245				
	Tổ dân phố Tam Hòa	301				
7	Tổ dân phố Liêm Định	509	Tổ dân phố Liêm Định	1	844	
	Tổ dân phố Liêm Lợi	335				
8	Tổ dân phố Xuân Mai	156	Tổ dân phố Thanh Mai	2	745	
	Tổ dân phố Thanh Mai	371				
	Tổ dân phố Định Thuận	218				
9	Tổ dân phố Tịnh Bình	210	Tổ dân phố Lộc Thuận	2	853	
	Tổ dân phố Lộc Thuận	501				
	Tổ dân phố Tịnh Hòa	142				
10	Tổ dân phố Bình An	299	Tổ dân phố Nhơn Thiện	2	848	
	Tổ dân phố Nhơn Thiện	306				
	Tổ dân phố Thái Xuân	243				
11	Tổ dân phố Dương Xuân	150	Tổ dân phố Dương Xuân	2	546	
	Tổ dân phố Hòa Tây	173				
	Tổ dân phố Hòa Đông	223				
5	Phường An Nhơn Đông	6582	6	6	6582	
1	Tổ dân phố Chánh Thanh	478	Tổ dân phố Cẩm Văn	1	1.320	
	Tổ dân phố Cẩm Văn	842				
2	Tổ dân phố Tiên Hòa	541	Tổ dân phố Nhơn Hưng	1	1.110	
	Tổ dân phố Hòa Cư	569				
3	Tổ dân phố An Ngãi	686	Tổ dân phố An Ngãi	1	1.258	
	Tổ dân phố Phò An	572				
4	Tổ dân phố Thuận Thái	377	Tổ dân phố Thanh Thuận	1	841	
	Tổ dân phố Thanh Liêm	464				
5	Tổ dân phố Háo Đức	522	Tổ dân phố Háo Đức	1	764	
	Trung Định	242				
6	Tổ dân phố Tân Dương	546	Tổ dân phố Nhơn An	1	1.289	
	Tổ dân phố Tân Dân	743				
6	Phường An Nhơn Nam	8144	7	6	8144	
1	Tổ dân phố Hòa Nghi	520	Tổ dân phố Nhơn Hòa	2	1581	
	Tổ dân phố An Lộc	769				
	Tổ dân phố Nghiêm Hòa	292				
2	Tổ dân phố Phú Sơn	397	Tổ dân phố Phú Hòa	1	1202	
	Tổ dân phố Tân Hòa	805				
3	Tổ dân phố Phụ Quang	322	Tổ dân phố Long Quang	1	788	
	Tổ dân phố Long Quang	466				
4	Tổ dân phố Đông Bình	732	Tổ dân phố Nhơn Thọ	1	1240	
	Tổ dân phố Ngọc Thạnh	508				
5	Tổ dân phố Thọ Lộc 1	898	Tổ dân phố Thọ Lộc	1	1445	
	Tổ dân phố Thọ Lộc 2	547				
6	Tổ dân phố Trung Ái	895	Tổ dân phố Trung Ái	0	895	
7	Tổ dân phố Huỳnh Kim	993	Tổ Dân phố Huỳnh Kim	0	993	
7	Phường An Phú	10086	14	14	10086	
1	Tổ dân phố 1	579	Tổ dân phố 1	1	1000	
	Tổ dân phố 2	421				
2	Tổ dân phố 5	672	Tổ dân phố 2	1	1299	
	Tổ dân phố 4	627				
3	Tổ dân phố 3	576	Tổ dân phố 3	0	576	
4	Tổ dân phố 7	513	Tổ dân phố 4	1	931	
	Tổ dân phố 8	418				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
5	Tổ dân phố 9	275	Tổ dân phố 5	2	1136	
	Tổ dân phố 12	508				
	Tổ dân phố 13	353				
6	Tổ dân phố 10	328	Tổ dân phố 6	1	643	
	Tổ dân phố 11	315				
7	Tổ dân phố 14	520	Tổ dân phố 7	1	926	
	Tổ dân phố 15	406				
8	Làng Thung Dôr	215	Làng Thung Dôr	0	215	
9	Tổ dân phố 6	189	Làng Do Guãh	1	586	
	Làng Do Guãh	397				
10	Làng Mơ Nú	432	Làng Mơ Nú	1	592	
	Làng Bông Bao	160				
11	Làng Bông Phun	360	Làng Bông Phun	1	542	
	Làng Bông Phrào	182				
12	Làng Wâu	282	Làng Wâu - Ktu	1	476	
	Làng Kơ Tu	194				
13	Làng Chuêt 1	344	Làng Chuêt	1	686	
	Làng Chuêt 2	342				
14	Làng Chuêt Ngol	243	Làng Nha Prông	2	478	
	Làng Nha Hyon	132				
	Làng Nha Prông	103				
8	Phường Ayun Pa	6352	12	15	6352	
1	Tổ dân phố 1	208	Tổ dân phố 1	1	519	
	Tổ dân phố 4	311				
2	Tổ dân phố 2	166	Tổ dân phố 2	1	495	
	Tổ dân phố 3	278				
	Tổ dân phố 5 (một phần) qua tổ 2	46				
	Tổ dân phố 6 (một phần) qua tổ 2	5				
3	Tổ dân phố 5 (phần còn lại)	137	Tổ dân phố 3	1	456	
	Tổ dân phố 6 (phần còn lại)	319				
4	Tổ dân phố 7	289	Tổ dân phố 4	1	541	
	Tổ dân phố 12	252				
5	Tổ dân phố 8	229	Tổ dân phố 5	2	599	
	Tổ dân phố 9	160				
	Tổ dân phố 10	189				
	Tổ dân phố 21 (một phần) qua 10	21				
6	Tổ dân phố 13	298	Tổ dân phố 6	1	577	
	Tổ dân phố 14	279				
7	Tổ dân phố 22	252	Tổ dân phố 7	1	482	
	Tổ dân phố 25 (toàn bộ hộ)	230				
8	Tổ dân phố 15	165	Tổ dân phố 8	2	515	
	Tổ dân phố 16	162				
	Tổ dân phố 17	188				
9	Tổ dân phố 18	243	Tổ dân phố 9	1	535	
	Tổ dân phố 23 (phần còn lại)	292				
10	Tổ dân phố 11	160	Tổ dân phố 10	2	509	
	Tổ dân phố 20	216				
	Tổ dân phố 21 (phần còn lại)	133				
11	Tổ dân phố 19	182	Tổ dân phố 11	1	520	
	Tổ dân phố 24	318				
	Tổ dân phố 23 (một phần)	20				
	Tổ dân phố 25 (một phần)	0				
12	Tổ dân phố 26	316	Tổ dân phố 12	1	604	
	Tổ dân phố 27	288				
9	Phường Bình Định	11003	9	11	11003	
1	Tổ dân phố An Thái	811	Tổ dân phố An Thái	1	1097	
	Tổ dân phố Thăng công	286				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
2	Tổ dân phố Mỹ Thanh	303	Tổ dân phố Phụ Ngọc	2	835	
	Tổ dân phố Phụ Ngọc	279				
	Tổ dân phố Nhon Nghĩa Đông	253				
3	Tổ dân phố Nhon Nghĩa Tây	589	Tổ dân phố Nhon Nghĩa	2	1093	
	Tổ dân phố Hòa Mỹ	320				
	Tổ dân phố Thái Thuận	184				
4	Tổ dân phố Quan Quang	720	Tổ dân phố Quan Quang	1	1425	
	Tổ dân phố Hiếu An	705				
5	Tổ dân phố Khánh Hòa	486	Tổ dân phố An Hòa	1	1256	
	Tổ dân phố An Hòa	770				
6	Tổ dân phố Liêm Trực	742	Tổ dân phố Liêm Trực	1	1302	
	Tổ dân phố Mai Xuân Thường	560				
7	Tổ dân phố Quang Trung	355	Tổ dân phố Quang Trung	2	1192	
	Tổ dân phố Ngô Gia Tự	327				
	Tổ dân phố Nguyễn Thị Minh Khai	510				
8	Tổ dân phố Trần Phú	684	Tổ dân phố Vĩnh Liêm	1	1274	
	Tổ dân phố Vĩnh Liêm	590				
9	Tổ dân phố Kim Châu	1529	Tổ dân phố Kim Châu	0	1529	
10	Phường Bông Sơn	10037	9	12	10037	
1	Khu phố 1	576	Khu phố An Đông	1	991	
2	Khu phố 2	415				
3	Khu phố 3	410				
4	Khu phố 4	331	Khu phố An Trung	2	1061	
6	Khu phố 6	320				
5	Khu phố 5	702	Khu phố An Bình	1	1205	
7	Khu phố Liêm Bình	503				
8	Khu phố Phụ Đức	465	Khu phố Lại Giang	1	1006	
9	Khu phố Trung Lương	541				
10	Khu phố Thiết Đỉnh Nam	581				
11	Khu phố Thiết Đỉnh Bắc	593	Khu phố Thiết Đỉnh	1	1174	
12	Khu phố Định Bình	344				
13	Khu phố Định Bình Nam	364	Khu phố Bình Chương	1	1145	
14	Khu phố Bình Chương	620				
15	Khu phố Bình Chương Nam	525				
16	Khu phố Văn Cang	449	Khu phố Hoài Đức	2	1351	
17	Khu phố Diễn Khánh	484				
18	Khu phố Lại Đức	418				
19	Khu phố Lại Khánh Nam	484	Khu phố Lại Khánh	2	1396	
20	Khu phố Lại Khánh	404				
21	Khu phố Lại Khánh Tây	508				
11	Phường Diên Hồng	13068	14	18	13068	
1	TDP 11 Yên Đổ	285	Tổ dân phố 1	1	569	
	TDP 12 Yên Đổ	284				
2	TDP 8 Yên Đổ	377	Tổ dân phố 2	3	1281	
	TDP 9 Yên Đổ	291				
	TDP 13 Yên Đổ	318				
	TDP 14 Yên Đổ	295				
3	TDP 1 Yên Đổ	378	Tổ dân phố 3	4	1772	
	TDP 2 Yên Đổ	320				
	TDP 3 Yên Đổ	483				
	TDP 5 Yên Đổ	270				
	TDP 6 Yên Đổ	321				
4	TDP 1 Diên Hồng	375	Tổ dân phố 4	2	1115	
	TDP 4 Diên Hồng	304				
	TDP 5 Diên Hồng	436				
5	TDP 2 Diên Hồng	476	Tổ dân phố 5	1	974	
	TDP 3 Diên Hồng	498				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
6	TDP 6 Diên Hồng TDP 7 Diên Hồng	365 562	Tổ dân phố 6	1	927	
7	TDP 1 Ia Kring TDP 2 Ia Kring TDP 3 Ia Kring	319 369 346	Tổ dân phố 7	2	1034	
8	TDP 4 Ia Kring TDP 5 Ia Kring	530 532	Tổ dân phố 8	1	1062	
9	TDP 8 Ia Kring TDP 9 Ia Kring	370 507	Tổ dân phố 9	1	877	
10	TDP 6 Ia Kring	658	Tổ dân phố 10	0	658	
11	TDP 7 Ia Kring	756	Tổ dân phố 11	0	756	
12	TDP 10 Ia Kring TDP 2 Diên Phú	631 341	Tổ dân phố 12	1	972	
13	TDP 1 Diên Phú TDP 3 Diên Phú	378 254	Tổ dân phố 13	1	632	
14	Thôn Pleikuroh	439	Thôn Pleikuroh	0	439	
12	Phường Hoài Nhơn	9976	11	16	9976	
1	Khu phố An Dinh 1 Khu phố An Dinh 2 Khu phố An Lộc 1 Khu phố An Lộc 2	245 252 271 322	Tổ dân phố An Lộc	3	1090	
2	Khu phố Mỹ An 1 Khu phố Mỹ An 2	267 404	Tổ dân phố Mỹ An	1	671	
3	Khu phố Trường An 1 Khu phố Trường An 2	382 366	Tổ dân phố Trường An	1	748	
4	Khu phố Lâm Trúc 1 Khu phố Lâm Trúc 2	379 429	Tổ dân phố Lâm Trúc	1	808	
5	Khu phố Tài Lương 1 Khu phố Tài Lương 2 Khu phố Tài Lương 3 Khu phố Tài Lương 4	316 299 287 341	Tổ dân phố Tài Lương	3	1243	
6	Khu phố Bình Phú Khu phố Ngọc An Đông Khu phố Ngọc An Trung Khu phố Ngọc An Tây	403 187 290 297	Tổ dân phố Ngọc An	3	1177	
7	Ngọc Sơn Bắc Ngọc Sơn Nam	303 392	Tổ dân phố Ngọc Sơn	1	695	
8	Khu phố Trung Hóa	601	Tổ dân phố Trung Hóa	0	601	
9	Khu phố Tăng Long 1 Khu phố Tăng Long 2	456 667	Tổ dân phố Tăng Long	1	1123	
10	Khu phố Cửu Lợi Đông Khu phố Cửu Lợi Nam	562 521	Tổ dân phố Cửu Lợi Đông	1	1083	
11	Khu phố Cửu Lợi Tây Khu phố Cửu Lợi Bắc	439 298	Tổ dân phố Cửu Lợi	1	737	
13	Phường Hoài Nhơn Bắc	11129	15	17	11129	
1	Khu phố An Đô Khu phố La Vương Khu phố An Hội Bắc	347 47 263	Tổ dân phố Hoài Sơn Bắc	2	609	
2	Khu phố An Hội Khu phố Cẩn Hậu	251 220	Tổ dân phố Hoài Sơn Tây	1	604	
3	Khu phố Túy Thạnh Khu phố Hy Văn	315 381	Tổ dân phố Hoài Sơn	1	611	
4	Khu phố Phú Nông Khu phố Hy Tường Khu phố Túy Sơn	326 192 172	Tổ dân phố Hoài Sơn Đông	2	690	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
5	Khu phố Tường Sơn	328	Tổ dân phố Hoài Sơn Nam	2	680	
	Khu phố Tường Sơn Nam	223				
	Khu phố Tuy An	129				
6	Khu phố Liễu An Nam	354	Tổ dân phố Liễu An	1	615	
	Khu phố Liễu An	261				
7	Khu phố Bình Đê	399	Tổ dân phố Hoài Châu Bắc	2	929	
	Khu phố Hy Thế	173				
	Khu phố Quy Thuận	487				
8	Khu phố Gia An	318	Tổ dân phố Gia An	1	689	
	Khu phố Gia An Nam	161				
9	Khu phố Gia An Đông	476	Tổ dân phố Chương Hòa	1	628	
	Khu phố Chương Hoà	232				
10	Khu phố Trường Xuân Đông	400	Tổ dân phố Trường Xuân	1	916	
	Khu phố Trường Xuân Tây	516				
11	Khu phố Công Thạnh	696	Tổ dân phố Công Thạnh	0	793	
12	Khu phố Dĩnh Thạnh	317	Tổ dân phố Tam Quan Bắc	1	879	
	Khu phố Tân Thành 1	659				
13	Khu phố Tân Thành	292	Tổ dân phố Tân Thành	1	873	
	Khu phố Tân Thành 2	581				
14	Khu phố Thiện Chánh	315	Tổ dân phố Thiện Chánh	1	914	
	Khu phố Thiện Chánh 1	599				
15	Khu phố Thiện Chánh 2	699	Tổ dân phố Thiện Chánh Bắc	0	699	
14	Phường Hoài Nhơn Đông	10732	11	16	10732	
1	Tổ dân phố Định Công	519	Tổ dân phố Định Công	1	849	
	Tổ dân phố Định Trị	330				
2	Tổ dân phố Mỹ Thọ	245	Tổ dân phố Mỹ Thọ	2	977	
	Tổ dân phố Xuân Khánh	382				
	Tổ dân phố Khánh Trạch	350				
3	Tổ dân phố An Nghiệp	251	Tổ dân phố Công Lương	2	920	
	Tổ dân phố Mỹ Khánh	233				
	Tổ dân phố Công Lương	436				
4	Tổ dân phố Lộ Điều	584	Tổ dân phố Lộ Điều	0	584	
5	Tổ dân phố Phú Xuân	243	Tổ dân phố Phú Xuân	1	640	
	Tổ dân phố Xuân Vinh	397				
6	Tổ dân phố Kim Giao Bắc	361	Tổ dân phố Kim Giao	2	1.089	
	Tổ dân phố Kim Giao Trung	313				
	Tổ dân phố Kim Giao Nam	415				
7	Kim Giao Thiện	361	Tổ dân phố Điều Quang	1	705	
	Tổ dân phố Điều Quang	344				
8	Tổ dân phố Phú An	393	Tổ dân phố Phú Nhuận	2	1.263	
	Tổ dân phố Nhuận An	400				
	Nhuận An Đông	470				
9	Tổ dân phố Thạnh Xuân	555	Tổ dân phố Thạnh Xuân	2	1.363	
	Tổ dân phố Thạnh Xuân Đông	456				
	Tổ dân phố Thạnh Xuân Bắc	352				
10	Tổ dân phố Thiện Đức	527	Tổ dân phố Thiện Đức	1	1.028	
	Tổ dân phố Thiện Đức Đông	501				
11	Tổ dân phố Thiện Đức Bắc	347	Tổ dân phố Ca Công	2	1.314	
	Tổ dân phố Ca Công Nam	419				
	Tổ dân phố Ca Công	548				
15	Phường Hoài Nhơn Nam	7891	7	8	7891	
1	Khu phố An Dương 1	694	Khu phố An Dương	1	1.440	
	Khu phố An Dương 2	746				
2	Khu phố Đê Đức 1	886	Khu phố Đê Đức	1	1.438	
	Khu phố Đê Đức 2	552				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
3	Khu phố Đệ Đức 3	1027	Khu phố Hoài Tân	0	1.027	
4	Khu phố Giao Hội 1	529	Khu phố Giao Hội	1	1.351	
	Khu phố Giao Hội 2	822				
5	Khu phố Thuận Thượng 1	321	Khu phố Vạn Thắng	2	1.014	
	Khu phố Thuận Thượng 2	275				
	Khu phố Song Khánh	418				
6	Khu phố Hòa Trung 1	363	Khu phố Phụng Sơn	1	797	
	Khu phố Thái Lai	434				
7	Khu phố Vĩnh Phụng 1	318	Khu phố Hoài Xuân	2	824	
	Khu phố Vĩnh Phụng 2	261				
	Khu phố Hòa Trung 2	245				
16	Phường Hoài Nhơn Tây	6342	7	8	6342	
1	Tổ dân phố Hội Phú	638	Tổ dân phố Hội Phú	0	638	
2	Tổ dân phố Cự Lễ 1	444	Tổ dân phố Cự Lễ	1	759	
	Tổ dân phố Cự Lễ 2	315				
3	Tổ dân phố Cự Tài 1	371	Tổ dân phố Cự Tài	2	840	
	Tổ dân phố Cự Tài 2	216				
	Tổ dân phố Mỹ Bình 1	253				
4	Tổ dân phố Lương Thọ 1	239	Tổ dân phố Lương Thọ	2	813	
	Tổ dân phố Lương Thọ 2	328				
	Tổ dân phố Lương Thọ 3	246				
5	Tổ dân phố Mỹ Bình 2	319	Tổ dân phố Mỹ Bình	1	609	
	Tổ dân phố Mỹ Bình 3	290				
6	Tổ dân phố Phụng Du 1	540	Tổ dân phố Phụng Du	1	1.212	
	Tổ dân phố Phụng Du 2	672				
7	Tổ dân phố Tấn Thạnh 1	702	Tổ dân phố Tấn Thạnh	1	1.471	
	Tổ dân phố Tấn Thạnh 2	769				
17	Phường Hội Phú	10344	13	13	10344	
1	Tổ dân phố 1	331	Tổ dân phố 1	2	1.547	
	Tổ dân phố 2	535				
	Tổ dân phố 3	681				
2	Tổ dân phố 5	610	Tổ dân phố 2	1	1.108	
	Tổ dân phố 6	498				
3	Tổ dân phố 4 Trà Bá	327	Tổ dân phố 3	2	1.136	
	Tổ dân phố 5 Trà Bá	349				
	Tổ dân phố 7 Trà Bá	460				
4	Tổ dân phố 4	659	Tổ dân phố 4	1	1.299	
	Tổ dân phố 2 Trà Bá	640				
5	Tổ dân phố 1 Trà Bá	368	Tổ dân phố 5	2	1.040	
	Tổ dân phố 3 Trà Bá	321				
	Tổ dân phố 6 Trà Bá	351				
6	Tổ dân phố 8 Trà Bá	232	Làng Ngó	1	722	
	Làng Ngó	490				
7	Tổ dân phố 1 Chi Lăng	381	Tổ dân phố 6	1	825	
	Tổ dân phố 2 Chi Lăng	444				
8	Tổ dân phố 3 Chi Lăng	401	Tổ dân phố 7	1	916	
	Tổ dân phố 4 Chi Lăng	515				
9	Tổ dân phố Hàm Rồng	159	Tổ dân phố Hàm Rồng	1	471	
	Tổ dân phố Ia Rôk	312				
10	Làng Ngol Tăh	46	Làng Châm Anêh	1	213	
	Làng Châm Anêh	167				
11	Làng Ngol	284	Làng Ngol	0	284	
12	Làng Khum	368	Làng Khum	0	368	
13	Làng Ia Lang	415	Làng Ia Lang	0	415	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
18	Phường Pleiku	15.761	17	23	15.761	
1	Tổ dân phố 1 Tây Sơn	417	Tổ dân phố 1	2	1124	
	Tổ dân phố 5 Tây Sơn	506				
	Tổ dân phố 6 Tây Sơn	201				
2	Tổ dân phố 2 Tây Sơn	574	Tổ dân phố 2	2	1284	
	Tổ dân phố 3 Tây Sơn	298				
	Tổ dân phố 4 Tây Sơn	412				
3	Tổ dân phố 1 Hoa Lư	530	Tổ dân phố 3	1	1050	
	Tổ dân phố 2 Hoa Lư (Phần lớn cụm dân cư phía Bắc)	430				
	Tổ dân phố 12 Hoa Lư (Phía bắc)	90				
4	Tổ dân phố 2 Hoa Lư (phần còn lại cụm dân cư phía Nam)	87	Tổ dân phố 4	1	751	
	Tổ dân phố 3 Hoa Lư	466				
	Tổ dân phố 4 Hoa Lư (Phía Bắc)	198				
5	Tổ dân phố 4 Hoa Lư (Phía Nam)	102	Tổ dân phố 5	1	759	
	Tổ dân phố 8 Hoa Lư	420				
	Tổ dân phố 5 Hoa Lư (Phía bắc)	237				
6	Tổ dân phố 9 Hoa Lư	415	Tổ dân phố 6	1	976	
	Tổ dân phố 11 Hoa Lư	561				
7	Tổ dân phố 12 Hoa Lư (Phía nam)	213	Tổ dân phố 7	1	623	
	Tổ dân phố 13 Hoa Lư	410				
8	Tổ dân phố 1 Hội Thương	304	Tổ dân phố 8	3	1385	
	Tổ dân phố 2 Hội Thương	466				
	Tổ dân phố 3 Hội Thương	408				
	Tổ dân phố 4 Hội Thương	207				
9	Tổ dân phố 5 Hội Thương	321	Tổ dân phố 9	2	1336	
	Tổ dân phố 6 Hội Thương	335				
	Tổ dân phố 7 Hội Thương	380				
	Tổ dân phố 5 Hoa Lư (Phía Nam)	300				
10	Tổ dân phố 1 Phù Đổng	320	Tổ dân phố 10	1	935	
	Tổ dân phố 4 Phù Đổng	615				
11	Tổ dân phố 2 Phù Đổng	368	Tổ dân phố 11	2	1268	
	Tổ dân phố 3 Phù Đổng	566				
	Tổ dân phố 9 Phù Đổng	334				
12	Tổ dân phố 7 Phù Đổng	357	Tổ dân phố 12	1	861	
	Tổ dân phố 8 Phù Đổng	504				
13	Tổ dân phố 6 Phù Đổng	445	Tổ dân phố 13	1	1213	
	Tổ dân phố 10 Phù Đổng	768				
14	Tổ dân phố 5 Phù Đổng	514	Tổ dân phố 14	0	514	
15	Tổ dân phố 1 Trà Đa	212	Tổ dân phố 15	2	753	
	Tổ dân phố 5 Trà Đa	206				
	Tổ dân phố 6 Trà Đa	335				
16	Tổ dân phố 2 Trà Đa	287	Tổ dân phố 16	2	693	
	Tổ dân phố 3 Trà Đa	203				
	Tổ dân phố 4 Trà Đa	203				
17	Làng Ớp	236	Làng Ớp	0	236	
19	Phường Quy Nhơn	36043	22	41	36043	
1	Khu phố 9	565	Tổ dân phố 1	0	565	
2	Khu phố 6	375	Tổ dân phố 2	3	1492	
	Khu phố 7	391				
	Khu phố 8	342				
	Khu phố 11	384				
3	Khu phố 5	490	Tổ dân phố 3	1	1695	
	Khu phố 10	1205				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
4	Khu phố 1	179	Tổ dân phố 4	3	1712	
	Khu phố 2	605				
	Khu phố 3	493				
	Khu phố 4	435				
5	Khu phố 12	186	Tổ dân phố 5	4	1686	
	Khu phố 13	213				
	Khu phố 14	363				
	Khu phố 15	376				
	Khu phố 16	548				
6	Khu phố 17	352	Tổ dân phố 6	3	1229	
	Khu phố 18	280				
	Khu phố 19	257				
	Khu phố 20	340				
7	Khu phố 21	172	Tổ dân phố 7	2	1148	
	Khu phố 22	342				
	Khu phố 23	634				
8	Khu phố 24	382	Tổ dân phố 8	3	1384	
	Khu phố 25	304				
	Khu phố 26	311				
	Khu phố 28	387				
9	Khu phố 27	262	Tổ dân phố 9	2	1532	
	Khu phố 29	536				
	Khu phố 30	734				
10	Khu phố 31	485	Tổ dân phố 10	2	1764	
	Khu phố 32	462				
	Khu phố 33	817				
11	Khu phố 34	689	Tổ dân phố 11	2	1862	
	Khu phố 35	420				
	Khu phố 36	753				
12	Khu phố 37	409	Tổ dân phố 12	2	1602	
	Khu phố 38	625				
	Khu phố 39	568				
13	Khu phố 40	693	Tổ dân phố 13	1	1309	
	Khu phố 41	616				
14	Khu phố 42	276	Tổ dân phố 14	2	1430	
	Khu phố 43	579				
	Khu phố 44	575				
15	Khu phố 45	521	Tổ dân phố 15	2	1529	
	Khu phố 46	459				
	Khu phố 47	549				
16	Khu phố 48	615	Tổ dân phố 16	2	1713	
	Khu phố 49	415				
	Khu phố 50	683				
17	Khu phố 51	682	Tổ dân phố 17	1	1949	
	Khu phố 53	1267				
18	Khu phố 52	1367	Tổ dân phố 18	1	2157	
	Khu phố 54	790				
19	Khu phố 55	973	Tổ dân phố 19	1	2237	
	Khu phố 58	1264				
20	Khu phố 56	784	Tổ dân phố 20	1	2042	
	Khu phố 57	1258				
21	Khu phố 60	328	Tổ dân phố 21	2	2271	
	Khu phố 61	657				
	Khu phố 62	1286				
22	Khu phố 59	469	Tổ dân phố 22	1	1735	
	Khu phố 63	1266				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
20	Phường Quy Nhơn Bắc	12986	8	8	12986	
1	Khu phố 1	392	Khu phố 1	1	1241	
	Khu phố 2	330				
2	Khu phố 3	764	Khu phố 2	1	935	
	Khu phố 4	690				
3	Khu phố 5	1.604	Khu phố 5	1	2.787	
	Khu phố 6	923				
4	Khu phố 7	1.065	Khu phố 6	1	2.076	
	Khu phố 8	1.271				
5	Khu phố 9	764	Khu phố 3	1	1651	
	Khu phố 10	887				
6	Khu phố 11	861	Khu phố 7	1	1834	
	Khu phố 12	973				
7	Khu phố 13	479	Khu phố 4	1	1174	
	Khu phố 14	695				
8	Khu phố 15	699	Khu phố 8	1	1288	
	Khu phố 16	589				
21	Phường Quy Nhơn Đông	13180	9	10	13180	
1	Khu phố 1	1836	Tổ dân phố Bình Thạnh	0	1836	
2	Khu phố 2	1214	Tổ dân phố Nhơn Bình	1	2233	
	Khu phố 3	1019				
3	Khu phố 4	654	Tổ dân phố Đông Định	1	1167	
	Khu phố 5	513				
4	Khu phố 6	747	Tổ dân phố Tây Định	1	1324	
	Khu phố 7	577				
5	Khu phố 8	414	Tổ dân phố Thuận Lạc	1	1159	
	Khu phố 9	745				
6	Khu phố Hải Nam	718	Tổ dân phố Nhơn Hải	2	1530	
	Khu phố Hải Đông	585				
	Khu phố Hải Bắc	227				
7	Khu phố Lý Hưng	632	Tổ dân phố Hưng Lương	1	1060	
	Khu phố Lý Lương	428				
8	Khu phố Lý Chánh	765	Tổ dân phố Xương Lý	1	1540	
	Khu phố Lý Hòa	775				
9	Khu phố Hội Tân	131	Tổ dân phố Nhơn Hội	2	1331	
	Khu phố Nhơn Phước	739				
	Khu phố Hội Thành	461				
22	Phường Quy Nhơn Nam	21377	16	17	21377	
1	Khu phố 1	545	Khu phố 1	2	1779	
	Khu phố 2	719				
	Khu phố 3 (một phần)	229				
	Khu phố 4 (một phần)	286				
2	Khu phố 7	705	Khu phố 2	1	1436	
	Khu phố 8	731				
3	Khu phố 5	428	Khu phố 3	3	1774	
	Khu phố 6	340				
	Khu phố 9	456				
	Khu phố 3 (một phần)	225				
	Khu phố 4 (một phần)	325				
4	Khu phố 11	912	Khu phố 4	1	1481	
	Khu phố 12	569				
5	Khu phố 18	504	Khu phố 5	3	1551	
	Khu phố 19	477				
	Khu phố 20	381				
	Khu phố 10 (một phần)	189				
6	Khu phố 26	1229	Khu phố 6	0	1229	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
7	Khu phố 16	909	Khu phố 7	1	1671	
	Khu phố 17	593				
	Khu phố 10 (một phần)	169				
8	Khu phố 27	766	Khu phố 8	0	1051	
	Khu phố 28 (một phần)	285				
9	Khu phố 13	675	Khu phố 9	2	1630	
	Khu phố 14	388				
	Khu phố 15	487				
	Khu phố 10 (một phần)	80				
10	Khu phố 31	546	Khu phố 10	2	1337	
	Khu phố 32	341				
	Khu phố 29 (một phần)	450				
11	Khu phố 30 (một phần)	422	Khu phố 11	0	1150	
	Khu phố 33	728				
12	Khu phố 30 (một phần)	927	Khu phố 12	0	927	
13	Khu phố 28 (một phần)	106	Khu phố 13	1	1003	
	Khu phố 29 (một phần)	897				
14	Khu phố 24	740	Khu phố 14	0	1313	
	Khu phố 25 (một phần)	573				
15	Khu phố 23	840	Khu phố 15	0	990	
	Khu phố 25 (một phần)	150				
16	Khu phố 21	191	Khu phố 16	1	1055	
	Khu phố 22	864				
23	Phường Quy Nhơn Tây	6754	5	6	6754	
1	Khu phố 1	567	Khu phố 1	3	2.233	
	Khu phố 2	689				
	Khu phố 3	447				
	Khu phố 4	530				
2	Khu phố 5	575	Khu phố 2	1	896	
	Khu phố 6	321				
3	Khu phố 7	1.293	Khu phố 3	1	1.638	
	Khu phố 8	345				
4	Khu phố Long Thành	672	Khu phố Long Thành	0	872	
5	Khu phố Thanh Long	929	Khu phố Long Mỹ	1	1.115	
	Khu phố Mỹ Lợi	386				
24	Phường Tam Quan	6471	7	11	6471	
1	Khu phố 1	466	Khu phố An Mỹ	2	1113	
	Khu phố 2	354				
	Khu phố 9	293				
2	Khu phố 3	408	Khu phố An Thái	2	1145	
	Khu phố 4	360				
	Khu phố 5	377				
3	Khu phố 6	377	Khu phố Mỹ Lộc	2	1198	
	Khu phố 7	348				
	Khu phố 8	473				
4	Khu phố Hội An	265	Khu phố An Quý	1	649	
	Khu phố An Quý Nam	384				
5	Khu phố Tân Trung	271	Khu phố Hội An	1	489	
	Khu phố Hội An Tây	218				
6	Khu phố An Quý Bắc	515	Khu phố Hoài Châu	1	1100	
	Khu phố An Sơn	585				
7	Khu phố Thành Sơn	227	Khu phố Tân An	2	777	
	Khu phố Tân An	269				
	Khu phố Thành Sơn Tây	281				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
25	Phường Thống Nhất	12207	11	12	12207	
1	Tổ dân phố 1 Thống Nhất	299	Tổ dân phố 1	1	762	
	Tổ dân phố 2 Thống Nhất	463				
2	Tổ dân phố 4 Thống Nhất	408	Tổ dân phố 2	1	827	
	Tổ dân phố 5 Thống Nhất	419				
3	Tổ dân phố 3 Thống Nhất	587	Tổ dân phố 3	2	1669	
	Tổ dân phố 6 Thống Nhất	449				
	Tổ dân phố 7 Thống Nhất	633				
4	Tổ dân phố 1 Đồng Đa	653	Tổ dân phố 4	2	1723	
	Tổ dân phố 2 Đồng Đa	661				
	Tổ dân phố 4 Đồng Đa	409				
5	Tổ dân phố 1 Yên Thế	727	Tổ dân phố 5	0	727	
6	Tổ dân phố 2 Yên Thế	548	Tổ dân phố 6	1	1242	
	Tổ dân phố 3 Yên Thế	694				
7	Tổ dân phố 4 Yên Thế	637	Tổ dân phố 7	1	1404	
	Tổ dân phố 5 Yên Thế	767				
8	Tổ dân phố 6 Yên Thế	462	Tổ dân phố 8	1	728	
	Tổ dân phố 10 Yên Thế	266				
9	Tổ dân phố 7 Yên Thế	778	Tổ dân phố 9	1	1183	
	Tổ dân phố 8 Yên Thế	405				
10	Tổ dân phố 9 Yên Thế	490	Tổ dân phố Bruk Ngol	1	803	
	Làng Bruk Ngol	313				
11	Tổ dân phố 3 Đồng Đa	582	Tổ dân phố Plei Kép	1	1139	
	Làng Kép	557				
26	Xã Al Bá	3949	11	8	3949	
1	Làng Ia H'Boòng	302	Làng Ia H'Boòng	0	302	
2	Làng Blút Griêng	231	Làng Blút Griêng	1	385	
	Thôn Tứ Kỳ Bắc	154				
3	Thôn Tứ Kỳ Nam	345	Thôn Tứ Kỳ	1	550	
	Làng Klah	205				
4	Làng Ia Doa	125	Làng Doa Choan Luh	1	360	
	Làng Ia Choan Luh	235				
5	Làng Blút Róh	248	Làng Róh Diếp	2	500	
	Làng U Diếp	227				
	Làng Kjai Tăng (25 hộ)	25				
6	Làng Dơ Nông Ó	253	Làng Dơ Nông Ó	0	303	
	Làng Ser Dơ Mỏ (50 hộ)	50				
7	Làng Ser Dơ Mỏ (239 hộ)	239	Làng Ser Dơ Mỏ	0	320	
	Làng Kjai Tăng (81 hộ)	81				
8	Làng Chur Ruồi Sul	301	Làng Chur Ruồi Sul	0	301	
9	Làng Amil	244	Làng Amil	0	244	
10	Làng Hvăk	100	Làng Tung Ke	2	364	
	Làng Tung Ke	159				
	Làng Vong Chép	105				
11	Làng Achông	139	Làng Achông	1	320	
	Làng Keo	181				
27	Xã An Hảo	5540	9	8	5540	
1	Thôn Tân Xuân	429	Thôn Tân Xuân	1	613	
	Thôn Tân Sơn	184				
2	Vạn Tín	136	Thôn Vạn Trung	2	736	
	Vạn Trung	447				
	Châu Sơn	153				
3	Bình Hòa Bắc	352	Thôn Bình Hòa	1	686	
	Bình Hòa Nam	334				
4	Vạn Hòa	348	Thôn Vạn Hòa	1	524	
	Cắm Đức	176				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
5	Hội Long	449	Thôn Hội Long	0	449	
6	Hội Trung	236	Thôn Phước Bình	1	542	
	Phước Bình	306				
7	Mỹ Thành	511	Thôn Mỹ Thành	1	824	
	Mỹ Đức	313				
8	Long Quang	304	Thôn Long Mỹ	1	820	
	Long Mỹ	516				
9	Đại Định	346	Thôn Đại Định	0	346	
28	Xã An Hòa	4289	9	5	4289	
1	Thôn Xuân Phong Tây	156	Thôn Vạn Xuân	1	432	
	Thôn Vạn Xuân	276				
2	Thôn 2	132	Thôn An Quang	4	422	
	Thôn 3	110				
	Thôn 4	82				
	Thôn 5	65				
	Thôn 6	33				
3	Thôn Hưng Nhượng	318	Thôn Hưng Nhượng	0	318	
4	Thôn Long Hòa	625	Thôn Long Hòa	0	625	
5	Thôn Xuân Phong Bắc	564	Thôn Xuân Phong Bắc	0	564	
6	Thôn Xuân Phong Nam	846	Thôn Xuân Phong Nam	0	846	
7	Thôn Vạn Khánh	469	Thôn Vạn Khánh	0	469	
8	Thôn Vạn Long	390	Thôn Vạn Long	0	390	
9	Thôn Trà Cong	223	Thôn Trà Cong	0	223	
29	Xã An Lão	3199	11	6	3199	
1	Thôn 1	163	Thôn An Hưng	1	247	
	Thôn 2	84				
2	Thôn 3	93	Thôn An Hưng Bắc	1	127	
	Thôn 5	34				
3	Thôn 4	142	Thôn Hòa Bình	1	269	
	Gò Bù	127				
4	Thôn 7	83	Thôn Sông Đĩnh	1	212	
	Thôn 9	129				
5	Thuận Hòa	101	Thôn Thuận Hòa	1	144	
	Thôn Gò Đồn	43				
6	Thôn Hưng Nhon	396	Thôn Hưng Nhon	1	599	
	Thôn Hưng Nhon Bắc	203				
7	Thôn 6	422	Thôn Đĩnh Xuân Ba	0	422	
8	Thôn Thuận An	300	Thôn Thuận An	0	300	
9	Thôn Tân An	311	Thôn Tân An	0	311	
10	Thôn Tân Lập	319	Thôn Tân Lập	0	319	
11	Thôn Thanh Sơn	249	Thôn Thanh Sơn	0	249	
30	Xã An Lương	8467	17	12	8467	
1	Chánh Thiện	282	Thôn Chánh Thiện	1	594	
	An Lương	312				
2	Chánh An	327	Thôn Chánh An	1	479	
	Thượng An	152				
3	Đông An	261	Thôn Thuận An	1	394	
	Hội Thuận	133				
4	Thái An	217	Thôn Thái An	2	506	
	Lương Trung	134				
	Lương Thái	155				
5	An Xuyên 1	290	Thôn An Xuyên	2	628	
	An Xuyên 2	163				
	An Xuyên 3	175				
6	An Hoan	260	Thôn An Hoan	1	436	
	An Hòa	176				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
7	Công Trung Trung Xuân	148 192	Thôn Trung Xuân	1	340	
8	Xuân Bình Bắc Xuân Bình Nam	337 165	Thôn Xuân Bình	1	502	
9	Hòa Hội Bắc Hòa Hội Nam	251 295	Thôn Hòa Hội	1	546	
10	Hưng Tân Hưng Lạc	215 257	Thôn Hưng Lạc	1	472	
11	Hiệp An	364	Thôn Hiệp An	0	364	
12	Vĩnh Lợi 1	501	Thôn Vĩnh Lợi 1	0	501	
13	Vĩnh Lợi 2	536	Thôn Vĩnh Lợi 2	0	536	
14	Vĩnh Lợi 3	445	Thôn Vĩnh Lợi 3	0	445	
15	An Mỹ	758	Thôn An Mỹ	0	758	
16	Chánh Hội	598	Thôn Chánh Hội	0	598	
17	Trình Long Khánh	368	Thôn Trình Long Khánh	0	368	
31	Xã An Nhơn Tây	4874	6	5	4874	
1	Thôn Tân Lập Thôn Đông Lâm	413 558	Thôn Nhơn Lộc	1	971	
2	Thôn Trường Cửu Thôn An Thành	256 658	Thôn An Cửu	1	914	
3	Thôn Cù Lâm Thôn Tráng Long	409 306	Thôn Cù Lâm	1	715	
4	Thôn Nam Tượng 1	701	Thôn Nam Tượng	0	701	
5	Thôn Nam Tượng 2 Thôn Nam Tượng 3	404 461	Thôn Nhơn Tân	1	865	
6	Thôn Thọ Tân Bắc Thôn Thọ Tân Nam	483 225	Thôn Thọ Tân	1	708	
32	Xã An Toàn	548	5	3	548	
1	Thôn Nước Ron Thôn Nước Lương Thôn Đồng bà Lãnh	62 43 42	Thôn Nước Ron	2	147	
2	Thôn Hòn Chiêng Thôn Nước Lương Ngọn	45 50	Thôn Hòn Chiêng	1	95	
3	Thôn 1	103	Thôn 1	0	103	
4	Thôn 2	114	Thôn 2	0	114	
5	Thôn 3	89	Thôn 3	0	89	
33	Xã Ân Tường	4713	9	7	4713	
1	Thôn Hà Tây Thôn Tân Thịnh Thôn Tân Thạnh	284 207 366	Thôn Tân Thạnh	2	857	
2	Thôn Hội Nhơn Thôn Liên Hội	268 423	Thôn Liên Hội	1	691	
3	Thôn Phú Văn 1 Thôn Xuân Sơn	173 151	Thôn Phú Xuân	1	324	
4	Thôn Phú Văn 2	306	Thôn Phú Văn	0	306	
5	Thôn T6 Thôn O6 Thôn O10 Thôn O11	151 110 93 53	Thôn ĐakMang	3	407	
6	Thôn Phú Hữu 1	639	Thôn Phú Hữu 1	0	639	
7	Thôn Phú Hữu 2	480	Thôn Phú Hữu 2	0	480	
8	Thôn Phú Khương	544	Thôn Phú Khương	0	544	
9	Thôn Hà Đông	465	Thôn Hà Đông	0	465	
34	Xã An Vinh	1977	7	11	1977	
1	Thôn 1 An Trung Thôn 4 An Trung	184 117	Thôn 1	1	301	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
2	Thôn 5 An Trung	145	Thôn 2	1	329	
	Thôn 6 An Trung	184				
3	Thôn 3 An Trung	44	Thôn 3	3	460	
	Thôn 8 An Trung	79				
	Thôn 1 An Dũng	184				
	Thôn 2 An Dũng	153				
4	Thôn 3 An Dũng	140	Thôn 4	2	320	
	Thôn 4 An Dũng	63				
	Thôn Tmang Gheng	117				
5	Thôn 1	60	Thôn 5	1	184	
	Thôn 2	124				
6	Thôn 5	59	Thôn 6	1	116	
	Thôn 6	57				
7	Thôn 3	95	Thôn 7	2	267	
	Thôn 4	56				
	Thôn 7	116				
35	Xã Ayun	2875	8	4	2875	
1	Thôn Đoàn kết	122	Thôn 2	1	411	
	Thôn 2	289				
2	Làng Kon Brung	400	Làng Kon Brung	0	400	
3	Làng Plei Bông	186	Làng Plei Bông	1	492	
	Làng Plei Atur	306				
4	Thôn 1	196	Thôn 1	1	390	
	Thôn Nhon Bông	194				
5	Làng Đêkjêng	251	Làng Đêkjêng	0	251	
6	Làng Hiêr	199	Làng Hiêr	1	369	
	Làng Đê Bơ Tók	170				
7	Thôn 3	224	Thôn 3	0	224	
8	Làng Bông Pim	338	Làng Bông Pim	0	338	
36	Xã Bàu Cạn	5575	11	8	5575	
1	Thôn Đồng Tâm	281	Thôn Đoàn Kết	1	605	
	Thôn Đoàn Kết	324				
2	Thôn 1	558	Thôn Thăng Hưng Đông	1	723	
	Thôn 5	165				
3	Thôn 2	209	Thôn Thanh An	2	703	
	Thôn 3	372				
	Thôn 6	122				
4	Thôn 4	344	Thôn Thăng Hưng Tây	1	503	
	Thôn 7	159				
5	Làng Bàng	173	Làng Mui	2	501	
	Làng Khánh	132				
	Làng Mui	196				
6	Thôn Thanh Bình	517	Thôn Thanh Bình	1	653	
	Làng Đê	136				
7	Thôn Bình An	361	Thôn Bình An	0	361	
8	Thôn Hòa Bình	317	Thôn Hòa Bình	0	317	
9	Thôn Ia Mua	341	Thôn Ia Mua	0	341	
10	Thôn Tây Hồ	321	Thôn Tây Hồ	0	321	
11	Thôn Tân Lạc	547	Thôn Tân Lạc	0	547	
37	Xã Biển Hồ	9431	23	17	9431	
1	Thôn 1	313	Thôn 1	0	313	
2	Thôn 2	469	Thôn 2	0	469	
3	Thôn 3	413	Thôn 3	0	413	
4	Thôn 4	477	Thôn 4	0	477	
5	Thôn Tiên Sơn 1	314	Thôn Tiên Sơn 1	0	314	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
6	Thôn Tiên Sơn 2	447	Thôn Tiên Sơn 2	0	447	
7	Làng Núi	237	Làng Núi	0	237	
8	Làng Bông	220	Làng Bông	0	220	
9	Làng Weh	365	Làng Weh	0	365	
10	Làng Rìng Rai	309	Làng Rìng Rai	0	309	
11	Làng Phung	234	Làng Ia Nueng	1	462	
	Làng Ia Nueng	228				
12	Làng Têng 1	174	Làng Têng	1	360	
	Làng Têng 2	186				
13	Thôn Đòng Bằng	214	Thôn Đòng Bằng	1	642	
	Thôn 9	428				
14	Làng Hol	136	Làng Ia Bàng	1	419	
	Làng Sao Đúp	283				
15	Làng Ia Mút	223	Làng Ia Mút	1	339	
	Thôn 76	116				
16	Thôn Nghĩa Hưng 1	355	Thôn Nghĩa Hưng 1	2	662	
	Thôn Nghĩa Hưng 2	190				
	Làng Nhing	117				
17	Thôn Nghĩa Hưng 3	274	Thôn Nghĩa Hưng 3	1	534	
	Thôn 8	260				
18	Làng Ea Lũh	148	Thôn Nghĩa Hưng 4	2	696	
	Thôn Nghĩa Hưng 4	237				
	Thôn 6	311				
19	Thôn 5	200	Thôn Nghĩa Hưng 2	1	463	
	Thôn 7	263				
20	Làng Bui	144	Làng Bui Brông	2	301	
	Làng Brông	118				
	Làng Klung	39				
21	Thôn Đoàn Kết	80	Thôn Chư Jờr	2	315	
	Thôn Ngô Sơn	174				
	Làng Wet	61				
22	Làng Kó	210	Làng Chư Đàng Ya	1	320	
	Làng Yar	110				
23	Làng Ia Gri	135	Làng Ia Gri	1	354	
	Làng Xóa	219				
38	Xã Bình An	9227	9	8	9227	
1	Thôn Nhon Thuận	740	Thôn An Vinh	1	1132	
	Thôn An Vinh 1	392				
2	Thôn Bình Đức	471	Thôn Bình Đức	1	769	
	Thôn An Vinh 2	298				
3	Thôn Mỹ An	600	Thôn Mỹ An	1	970	
	Thôn Mỹ Thuận	370				
4	Thôn Kiên Thạnh	229	Thôn Vĩnh Lộc	2	815	
	Thôn Vĩnh Lộc	325				
	Thôn Đồng Hòa	261				
5	Thôn Vân Tường (chuyển 16 hộ về thôn An Chánh)	416	Thôn Trường Định	2	1729	
	Thôn Trường Định 1	416				
	Thôn Trường Định 2	897				
6	Thôn Kiên Ngãi	934	Thôn Kiên Ngãi	1	1450	
	Thôn An Đồng	516				
7	Thôn An Chánh (nhận 16 hộ từ Thôn Vân Tường)	737	Thôn An Chánh	0	737	
8	Thôn Kiên Long	794	Thôn Kiên Long	0	794	
9	Thôn Phú Lạc	831	Thôn Phú Lạc	0	831	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
39	Xã Bình Dương	6320	8	15	6320	
1	Thôn Dương Liễu Đông Thôn Dương Liễu Nam	344 404	Thôn Dương Liễu Nam	1	748	
2	Thôn Dương Liễu Tây Thôn Dương Liễu Bắc	784 277	Thôn Dương Liễu	1	1061	
3	Thôn Chánh Khoan Đông	299	Thôn Chánh Khoan	2	1097	
4	Thôn Chánh Khoan Nam Thôn Chánh Khoan Tây	394 404				
5	Thôn Phú Ninh Đông Thôn Phú Ninh Tây	288 276	Thôn Phú Ninh	1	564	
6	Thôn Mỹ Phú Đông Thôn Mỹ Phú Nam Thôn Mỹ Phú Bắc	174 246 114	Thôn Mỹ Phú	2	534	
7	Thôn Vĩnh Bình Thôn Phước Chánh Thôn Phước Thung	466 252 90	Thôn Vĩnh Phước	2	808	
8	Thôn Văn Trường Thôn Văn Trường Đông Thôn Văn Trường Tây	263 222 348	Thôn Văn Trường	2	833	
9	Thôn Phú Nhiêu Thôn Gia Hội Thôn Phú Quang Thôn Phú Đức Thôn Vĩnh An	134 142 166 61 172	Thôn An Phú	4	675	
40	Xã Bình Hiệp	6293	9	7	6293	
1	Thuận Truyền	793	Thôn Thuận Truyền	0	793	
2	Thuận Hiệp Thuận Hạnh	332 414	Thôn Thuận Hạnh	1	746	
3	Thuận Nhứt Hòa Mỹ	688 282	Thôn Bình Thuận	1	970	
4	Thôn M6	262	Thôn M6	0	262	
5	Thuận Ninh An Hội	158 258	Thôn Thuận Ninh	1	416	
6	Mỹ Thạch Thuận Hòa	497 453	Thôn Bình Tân	1	950	
7	Phú Hưng	641	Thôn Phú Hưng	0	641	
8	Đại Chí Mỹ Đức	454 310	Thôn Văn phong	1	764	
9	Háo Nghĩa Trà Sơn Đồng Quy	99 565 87	Thôn Tây An	2	751	
41	Xã Bình Khê	5617	6	4	5617	
1	Thôn Tiên Thuận Thôn Hòa Thuận	589 291	Thôn Tiên Thuận	1	880	
2	Thôn Thượng Sơn Thôn Trung Sơn	776 341	Thôn Thượng Sơn	1	1117	
3	Thôn Thượng Giang 1 Thôn Thượng Giang 2	828 759	Thôn Thượng Giang	1	1587	
4	Thôn Tả Giang 2 Thôn Tả Giang 1	583 470	Thôn Tả Giang	1	1053	
5	Thôn Hữu Giang	415	Thôn Hữu Giang	0	415	
6	Thôn Nam Giang	565	Thôn Nam Giang	0	565	
42	Xã Bình Phú	6448	8	5	6448	
1	Thôn Phú Mỹ Thôn Phú Lâm	840 192	Thôn Phú Mỹ	1	1032	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
2	Làng Kon Giọt 1	122	Làng Vĩnh An	4	458	
	Làng Kon Giọt 2	70				
	Làng Kon Mon	71				
	Làng Xà Tang	77				
	Làng Kon Giang	118				
3	Thôn Phú Hiệp	504	Thôn Phú Hiệp	0	504	
4	Thôn Phú Thịnh	403	Thôn Phú Thịnh	0	403	
5	Thôn Phú Thọ	996	Thôn Phú Thọ	0	996	
6	Thôn Hòa Trung	825	Thôn Hòa Trung	0	825	
7	Thôn Hòa Sơn	1173	Thôn Hòa Sơn	0	1173	
8	Thôn Hòa Hiệp	1057	Thôn Hòa Hiệp	0	1057	
43	Xã Bờ Ngoong	7460	19	15	7460	
1	Làng Tơ Drăh	331	Làng Tơ Drăh	0	331	
2	Phăm Ó	327	Phăm Ó	0	327	
3	Làng Khổi Zố	349	Làng Khổi Zố	0	349	
4	Phăm Klăh	348	Phăm Klăh	1	437	
	một phần của làng Phăm Kleo Ngol	89				
5	một phần của làng Phăm Kleo Ngol	136	Phăm Ngol	0	429	
	Phăm Ngol	293				
6	Thôn Đồng Tâm	232	Thôn Đồng Tâm		397	
	Thôn 16	165				
7	Thôn Đoàn Kết 1	192	Làng Thoong Nha	1	410	
	Làng Thoong Nha	218				
8	Làng Quái	188	Làng Amo	1	471	
	Làng Amo	283				
9	Thôn Tân Tiến	130	Làng Pa Pét	1	371	
	Làng Pa Pét	241				
10	Làng DNâu	143	Làng DNâu	1	390	
	Làng Puih Jri	247				
11	Làng Ka	222	Làng Ka	1	390	
	Thôn An Lộc	168				
12	Làng Klú	275	Làng Klú	1	445	
	một phần Làng Bông	170				
13	một phần Làng Bông	81	Làng Nú	1	315	
	Làng Nú	234				
14	Làng Lê Anh	110	Làng Hlú	1	353	
	Làng Hlú	243				
15	Thôn Ia Ring	162	Làng Khổi Zét	1	375	
	Làng Khổi Zét	213				
16	Làng Lê Ngol	246	Làng Lê Ngol	1	399	
	Thôn 19	153				
17	Làng Ia Bâu	170	Làng Grai Mek	1	470	
	Làng Grai Mэк	300				
18	Làng Kênh Siêu	304	Làng Kênh Siêu	1	441	
	Thôn Thái Hà	137				
19	Thôn Đoàn Kết 2	100	Làng Hồ Lang	2	360	
	Làng Hồ Lâm	126				
	Làng Hồ Lang	134				
44	Xã Canh Liên	711	3	4	711	
1	làng Hà Giao	181	Làng Hà Giao	1	264	
	làng Kon Lót	83				
2	làng Chôm	110	Làng Đak Lâu	1	214	
	làng Cát	104				
3	làng Kà Bông	102	Làng Ka 3	2	233	
	làng Kà Bung	54				
	làng Kà Nâu	77				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
45	Xã Canh Vinh	4798	12	6	4798	
1	Thôn An Long 1	398	Thôn An Long 1	0	398	
2	Thôn An Long 2	386	Thôn An Long 2	0	386	
3	Thôn Hiệp Vinh 1	530	Thôn Hiệp Vinh 1	0	530	
4	Thôn Hiền Đông	396	Thôn Hiền Đông	0	396	
5	Thôn Tân Quang	402	Thôn Tân Quang	0	402	
6	Làng Canh Tiến	165	Làng Canh Tiến	0	165	
7	Thôn Bình Long	384	Thôn Bình Long	1	508	
	Thôn Tăng Hòa	124				
8	Thôn Tăng Lợi	140	Thôn Hiệp Vinh 2	1	505	
	Thôn Hiệp Vinh 2	365				
9	Thôn Tân Vinh	397	Thôn Tân Vinh	1	611	
	Thôn Kinh Tế	214				
10	Thôn Thanh Minh	134	Thôn Quang Hiến	1	231	
	Thôn Chánh Hiến	97				
11	Thôn 4	110	Thôn Suối Đá	1	319	
	Làng Suối Đá	209				
12	Làng Hiệp Hưng	191	Thôn Canh Hiệp	1	347	
	Làng Hiệp Tiến	156				
46	Xã Cát Tiến	8711	10	7	8711	
1	Thôn Chánh Thắng	312	Thôn Thắng Hùng	1	602	
	Thôn Chánh Hùng	290				
2	Thôn Chánh Hóa	462	Thôn Cát Thành	1	857	
	Thôn Phú Trung	395				
3	Thôn Tân Thắng	492	Thôn Cát Hải Bắc	1	1136	
	Thôn Chánh Oai	644				
4	Thôn Tân Thanh	706	Thôn Cát Hải Nam	1	1108	
	Thôn Vĩnh Hội	402				
5	Thôn Trường Thạnh	249	Thôn Tân Thạnh Đạt	2	844	
	Thôn Tân Tiến	356				
	Thôn Chánh Đạt	239				
6	Thôn Phương Thái	315	Thôn Thái Phi	1	941	
	Thôn Phương Phi	626				
7	Thôn Chánh Thiện	577	Thôn Chánh Thiện	0	577	
8	Thôn Hóa Lạc	741	Thôn Hóa Lạc	0	741	
9	Thôn Trung Lương	1044	Thôn Trung Lương	0	1044	
10	Thôn Phú Hậu	861	Thôn Phú Hậu	0	861	
47	Xã Chợ Long	1664	5	5	1664	
1	Làng Kúc Gmỏi	131	Làng Kúc Gmỏi	1	233	
	Thôn 2	102				
2	Thôn 3	210	Làng Kúc Rong	1	347	
	Thôn 4	137				
3	Thôn 8	72	Làng Trôn	2	383	
	Thôn 9	120				
	Làng TPôn	191				
4	Làng Klăh	101	Làng Klăh - Brul	1	430	
	Làng Brul	329				
5	Làng TPé	271	Làng TPé	0	271	
48	Xã Chư A Thai	5314	13	10	5314	
1	Thôn Nam Hà	187	Thôn Tân Hà	1	478	
	Thôn Tân Điệp 1	291				
2	Plei Glung B	191	Thôn Plei Tăng	1	430	
	Plei Tăng B	239				
3	Plei Tăng A	250	Thôn Plei Lok	1	508	
	Plei Lok	258				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
4	Plei Ơi	211	Thôn Plei Ơi	2	561	
	Plei Ring Đáp	250				
	Thôn Sơn Bình (100 hộ)	100				
5	Thôn Thanh Hà	227	Thôn Thanh Sơn	0	400	
	Thôn Sơn Bình (173 hộ)	173				
6	Thôn Thanh Thượng	272	Thôn Thanh Thượng	0	332	
	Thôn Sơn Bình (60 hộ)	60				
7	Thôn Dâm	172	Thôn Drok	1	522	
	Thôn Drok	350				
8	Thôn Hải Yên	182	Thôn Hải Dương	2	470	
	Thôn Kim Môn	137				
	Thôn Ia Chă Wâu	151				
9	Plei Pông	138	Thôn Plei Pông	1	306	
	Thôn King Pêng	168				
10	Plei Trớ	152	Thôn Plei Hek	1	301	
	Plei Hek	149				
11	Plei Glung Mơ Lan	311	Thôn Plei Glung Mơ Lan	0	311	
12	Plei Mun Măk	346	Thôn Plei Mun Măk	0	346	
13	Thôn Đoàn Kết	349	Thôn Đoàn Kết	0	349	
49	Xã Chư Krey	2229	8	7	2229	
1	Làng Pobahktu	154	Làng Pobahktu	1	229	
	Làng Ó	75				
2	Làng Brò	166	Làng Chiêu Liêu	1	322	
	Làng Chiêu Liêu	156				
3	Thôn 6	291	Thôn 6		291	
4	Làng Bơch siêu	172	Làng Bơch siêu	1	239	
	Thôn Gia Yên	67				
5	Làng Kial	171	Làng Biên	1	295	
	Làng Biên	124				
6	Làng Sơ Kiết	81	Làng Sơ Ron	1	272	
	Làng Sơ Ron	191				
7	Làng Lơ Pơ	111	Làng Lơ Pơ	1	255	
	Làng Veh	144				
8	làng Châu	217	Làng Châu	1	326	
	Làng Hrách	109				
50	Xã Chư Păh	4694	9	8	4694	
1	Tổ dân phố 1 (TT Phú Hòa cũ)	388	Thôn Phú Hoà 1	0	388	
2	Tổ dân phố 3 (TT Phú Hòa cũ)	350	Thôn Phú Hoà 2	1	549	
3	Làng Krái (TT Phú Hòa cũ)	199				
4	Thôn 1 (TT Phú Hòa cũ)	271	Thôn Phú Hoà 3	1	483	
5	Thôn 2 (TT Phú Hòa cũ)	212				
6	Làng Rơ Va (xã Hòa Phú cũ)	70	Thôn Hòa Phú 1	1	470	
7	Thôn 2 (xã Hòa Phú cũ)	400				
8	Thôn 3 (xã Hòa Phú cũ)	397	Thôn Hòa Phú 2	0	397	
9	Thôn 4 (Hoà Phú cũ)	445	Thôn Hòa Phú 3	0	445	
10	Làng Bối (xã Hòa Phú cũ)	203	Làng Hreng	1	483	
11	Làng Hreng (xã Hòa Phú cũ)	280				
12	Thôn 1 (xã Nghĩa Hòa cũ)	280	Thôn Nghĩa Hòa 1	2	758	
13	Thôn 3 (xã Nghĩa Hòa cũ)	268				
14	Thôn 4 (TT Phú Hòa cũ)	210				
15	Thôn 2 (xã Nghĩa Hòa cũ)	331	Thôn Nghĩa Hòa 2	2	721	
16	Thôn 5 (xã Nghĩa Hòa cũ)	224				
17	Làng Kênh (xã Nghĩa Hòa cũ)	166				
51	Xã Chư Prông	8361	19	13	8361	
1	Thôn 1	415	Thôn 1	0	415	
2	Thôn 2	546	Thôn 2	0	546	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
3	Thôn 3	548	Thôn 3	0	548	
4	Thôn 4	402	Thôn 4	0	402	
5	Thôn 5	392	Thôn 5	0	392	
6	Thôn 6	350	Thôn 6	0	350	
7	Thôn Đông Hà	431	Thôn Đông Hà	0	431	
8	Làng Bò	197	Làng Bò	1	520	
9	Làng Grang	323				
10	Thôn Hoàng Ân	247	Thôn Hoàng Yên	1	656	
11	Thôn Hoàng Yên	409				
12	Làng Bạc 2	66	Làng Bạc 2	1	288	
13	Thôn Hưng Tiến	222				
14	Thôn Hoàng Tiên	176	Làng Bạc 1	2	476	
15	Thôn Bán Tân	185				
16	Làng Bạc 1	115				
17	Thôn 10	148	Thôn Đức Nghĩa	2	303	
18	Thôn Đức Nghĩa	83				
19	Làng La	72				
20	Làng Ó	76	Làng Ó	1	224	
21	Thôn Nhân Hoà	148				
22	Thôn Hợp Hoà	536	Thôn Hợp Hoà	0	536	
23	Thôn Hợp Thắng	500	Thôn Hợp Thắng	0	500	
24	Thôn An Hoà	367	Làng Xung Beng	1	566	
25	Làng Xung Beng	199				
26	Thôn Bình Thanh	357	Thôn Bình Thanh	1	443	
27	Làng Klũ	86				
28	Làng Lân	169	Làng Lân	1	354	
29	Làng Pó	185				
30	Làng Klã	117				
31	Làng Nú	169	Làng Nú	2	411	
32	Làng Thung	125				
52	Xã Chư Puh	6960	13	13	6920	<i>Giảm 40 hộ Làng Plei Ngăn chuyển sang xã Ia Le</i>
1	Thôn Plei Thơ Ga A	288	Thôn Plei Thơ Ga	2	672	
	Thôn Plei Thơ Ga B	282				
	Thôn Plei H Lốp	102				
2	Thôn Ia Khung	209	Thôn Plei Lao	1	341	
	Thôn Plei Lao	132				
3	Thôn Plei Kly Phun	250	Thôn Plei Kly Phun	1	462	
	Thôn Plei Kia	212				
4	Thôn Plei Djriêk	327	Thôn Plei Djriêk	1	496	
	Thôn Plei Thông A	169				
5	Thôn Hòa An	242	Thôn Hòa Hiệp	1	579	
	Thôn Hòa Hiệp	337				
6	Thôn Hòa Tín	385	Thôn Hòa Tín	1	592	
	Thôn Hòa Phú	207				
7	Thôn Hòa Bình	444	Thôn Hòa Bình	1	700	
	Thôn Tông will	256				
8	Thôn Plei Tao	203	Thôn Plei Thơ Nhueng	1	416	
	Thôn Plei Thơ Nhueng	213				
9	Thôn Hoà Thuận	310	Thôn Plei Ia Ke	1	622	
	Thôn Plei Ia Ke	312				
10	Thôn Hoà Sơn	197	Thôn Hoà Lộc	1	641	
	Thôn Hoà Lộc	444				
11	Plei Briêng	272	Thôn Plei Briêng	1	629	
	Thôn Chư Bô 2	357				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
12	Plei Hraï Dong	456	Thôn Plei Hraï Dong	0	456	
13	Plei Phung	314	Thôn Plei Phung	0	314	
14	Làng Plei Ngãng	40		1		
53	Xã Chư Sê	16852	29	22	16852	
1	Thôn 1	565	Thôn 1	1	1051	
2	Thôn 2	486				
3	Thôn 3	547	Thôn 3	1	987	
4	Thôn 4	440				
5	Thôn 5	618	Thôn 5	1	1094	
6	Thôn 6	476				
7	Thôn 7	421	Thôn 8	1	943	
8	Thôn 8	522				
9	Thôn 9	520	Thôn 9	1	889	
10	Thôn 10	369				
11	Làng Ngo Ser - Glan	220	Thôn Ngo Ser - Glan	1	547	
12	Thôn Mỹ Thạch 3	327				
13	Thôn Mỹ Thạch 1	439	Thôn Mỹ Thạch 1	1	665	
14	Thôn Mỹ Thạch 2	226				
15	Thôn Phú Cường	557	Thôn Phú Cường	1	756	
16	Làng Ia Pét	199				
17	Thôn Ia Pal 5	108	Thôn Tào Ròong	1	563	
18	Làng Tào Ròong	455				
19	Làng Blo Hung	187	Thôn An Điền	1	434	
20	Thôn An Điền	247				
21	Thôn Phú An	231	Thôn Vinh Hà	2	766	
22	Thôn Vinh Hà	395				
23	Làng Mung Hlú	140				
24	Làng Kóai	96	Thôn Mỹ Phú	1	548	
25	Thôn Mỹ Phú	452				
26	Thôn Phù Mỹ	225	Thôn Ia Blang 1	2	631	
27	Làng Nhã	135				
28	Thôn Ia Blang 1	271	Làng Greo Pét	1	371	
29	Làng Greo Pét	179				
30	Làng Rìng Răng	192	Thôn Dun Bêu	1	858	
31	Thôn Dun Bêu	546				
32	Làng Greo Sek	312	Thôn Yon Tók	2	548	
33	Làng Yon Tók	333				
34	Thôn Vườn Ươm	115	Thôn Nông Trường	1	302	
35	Thôn Thủy Lợi	100				
36	Thôn Nông Trường	164	Làng Del	1	364	
37	Làng Pang	138				
38	Làng Del	216	Thôn Nhơn Phú	1	317	
39	Làng Ngol	148				
40	Thôn Hương Phú	145	Thôn 12		511	
41	Thôn Nhơn Phú	172				
42	Thôn 12	511	Làng Hăng Rìng		319	
43	Làng Hăng Rìng	319	Thôn Kê		569	
44	Thôn Kê	569	Thôn Bầu Zút		461	
45	Thôn Bầu Zút	461	Thôn Hồ Nước		378	
46	Thôn Hồ Nước	378	Thôn Tốt Bióch		561	
47	Thôn Tốt Bióch	561	Làng Queng Mếp		317	
48	Làng Queng Mếp	317	Thôn Đoàn Kết		397	
49	Thôn Đoàn Kết	397	Làng Pan		272	
50	Làng Pan	272	Làng Tok Roh		433	
51	Làng Tok Roh	433				
54	Xã Cửu An	4936	13	6	4936	
1	Thôn An Xuân 1	262	Thôn An Xuân	1	462	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
2	Thôn An Xuân 2	200	Thôn An Xuân	1	200	
3	Thôn An Xuân 3	303	Thôn An Thạch	1	509	
4	Thôn An Thạch	206				
5	Thôn Thượng An 1	237	Thôn Thượng An	2	693	
6	Thôn Thượng An 2	278				
7	Thôn Thượng An 3	178				
8	Làng Hòa Bình	109	Làng Hòa Bình	2	223	
9	Làng Pờ Nang	66				
10	Làng Nhoi	48				
11	Thôn An Điền Nam	404	Thôn An Điền Nam	0	404	
12	Thôn An Bình	302	Thôn An Bình	0	302	
13	Thôn An Điền Bắc	313	Thôn An Điền Bắc	0	313	
14	Thôn Tú Thủy 1	466	Thôn Tú Thủy 1	0	466	
15	Thôn Tú Thủy 2	410	Thôn Tú Thủy 2	0	410	
16	Thôn Cửu Đạo	404	Thôn Cửu Đạo	0	404	
17	Thôn An Thượng 2	323	Thôn An Thượng 2	0	323	
18	Thôn An Thượng 3	347	Thôn An Thượng 3	0	347	
19	Làng Pốt	80	Làng Pốt	0	80	
55	Xã Đak Đoa	8178	13	12	8178	
1	Thôn Bồi	234	Thôn Tươi Ktu	2	718	
	Thôn Tươi Klah	234				
	Thôn Tươi Ktu	250				
2	Thôn Dur	189	Thôn Groi Wét	2	692	
	Thôn Groi 1	226				
	Thôn Groi Wét	277				
3	Thôn Dôr 1	315	Thôn Dôr 1	2	771	
	Thôn Dôr 2	243				
	Thôn Dok rong	213				
4	Thôn H'Lâm	377	Thôn 2	1	878	
	Thôn 2	501				
5	Thôn 5	417	Thôn 5	1	827	
	Thôn 10	410				
6	Thôn 3	258	Thôn 3	1	734	
	Thôn 4	476				
7	Thôn 6	318	Thôn 6	1	625	
	Thôn 7	307				
8	Thôn 1	211	Thôn 8	1	578	
	Thôn 8	367				
9	Thôn 1 Tân Bình	435	Thôn 1 Tân Bình	1	917	
	Thôn 3 Tân Bình	482				
10	Thôn 2 Tân Bình	428	Thôn 2 Tân Bình	0	428	
11	Thôn 9	405	Thôn 9	0	405	
12	Thôn Piom	504	Thôn Piom	0	504	
13	Thôn Ngol	101	Thôn Ngol	0	101	
56	Xã Đak Pơ	4802	13	11	4802	
1	Thôn 1	357	Thôn 1	0	477	
	Thôn 2 (120 hộ)	120				
2	Thôn 2 (trừ 120 hộ đã tách ra)	510	Thôn 2	1	676	
	Thôn 3	166				
3	Làng Leng tô	178	Làng Leng tô	3	467	
	Làng Hven	80				
	Thôn 4	132				
	Làng Gliêk	77				
4	Thôn 5	161	Thôn 3	1	308	
	Thôn 6 (trừ 90 hộ đã tách ra)	147				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
5	Làng Kuk Kôn	149	Làng Kuk Kôn	0	239	
	Thôn 6 (90 hộ)	90				
6	Làng Kuk Đak	141	Làng Bút	1	298	
	Làng Bút	157				
7	Thôn 7	267	Thôn 4	1	576	
	Thôn 8 (trừ 69 hộ đã tách ra)	309				
8	Làng Hway	166	Làng Hway	0	235	
	Thôn 8 (69 hộ)	69				
9	Thôn 9	317	Thôn 5	0	317	
10	Làng Jro Dong	163	Làng Jro Dong	2	353	
	Làng Bung Bang Hven	116				
	Làng Jun	74				
11	Làng Klah Môn	127	Làng Klah Môn	1	319	
	Làng Jro Ktu Đak Yang	192				
12	Làng Krong Hra	82	Làng Krong Hra	1	224	
	Làng Kleo Ktu	142				
13	Làng Kruói chai	313	Làng Kruói chai	0	313	
57	Xã Đak Rong	1686	5	9	1686	
1	Thôn Suối U	70	Làng Kon Lanh	2	379	
	Làng Kon Lanh	217				
	Làng Kon Von 1	92				
2	Làng Kon Ktonh	204	Làng Kon Pne	2	447	
	Làng Kon Kring	97				
	Làng Kon Hleng	146				
3	Làng Kon lanh Te	95	Làng Kon Bông	2	350	
	Làng Kon Bông	159				
	Làng Kon Trang	96				
4	Làng Hà Đùng 1	202	Làng Đak Tơ Neng	3	429	
	Làng Hà Đùng 2	74				
	Làng Kon Lốc 1	86				
	Làng Kon Lốc 2	67				
5	Làng Kon Von 2	81	Làng Kon Von 2	0	81	
58	Xã Đak Somei	2921	8	2	2921	
1	Làng Kon Jôt	119	Làng Kon Nak	1	327	
	Làng Kon Nak	208				
2	Làng Kon Mahar	293	Làng Kon Mahar	1	489	
	Làng Kon Sơ Nglok	196				
3	Thôn 18	218	Thôn 18		308	
4	Làng Đê Gôh	382	Làng Đê Gôh		382	
5	Làng Tul Đoa	496	Làng Tul Đoa		406	
6	Làng Bok Rei	307	Làng Bok Rei		307	
7	Làng Pral Somei	401	Làng Pral Somei		401	
8	Làng Kon Pơ Dram	301	Làng Kon Pơ Dram		301	
59	Xã Đăk Song	1120	3	4	1120	
1	Làng Krăc	115	Làng Blà - Krăc	1	225	
	Làng Blà	110				
2	Làng Kte-K'chăng	137	Làng Kte-H'ôn	1	326	
	Làng K'liết-H'ôn	189				
3	Làng Mèo	287	Làng Đăk Pling	2	569	
	Làng Tbung	115				
	Làng Brang	167				
60	Xã Đê Gi	11247	13	10	11247	
1	Vĩnh Thành	360	Thôn Vĩnh Trường	1	652	
	Hòa Hiệp	292				
2	Thái Phú	251	Thôn Đại Bằng	1	509	
	Thái Bình	258				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
3	Thái Thuận	477	Thôn Cát Tài	1	988	
	Chánh Danh	511				
4	Cảnh An	452	Thôn Phú An	1	823	
	Phú Hiệp	371				
5	Trung Chánh	731	Thôn Trung Chánh	1	1086	
	Gia Lạc	355				
6	Gia Thạnh	568	Thôn Cát Minh	1	1103	
	Trung An	535				
7	Xuân An	504	Thôn Xuân An	0	504	
8	Đức Phổ 1	978	Thôn Đức Phổ	1	1306	
	Đức Phổ 2	328				
9	Ngãi An	788	Thôn Cát Khánh	1	1351	
	Thắng Kiên	563				
10	An Quang Tây	790	Thôn An Quang Tây	0	790	
11	An Quang Đông	728	Thôn An Quang Đông	0	728	
12	Chánh Lợi	810	Thôn Chánh Lợi	0	810	
13	An Nhuệ	208	Thôn An Phú	2	597	
	Phú Long	231				
	Phú Đồng	158				
61	Xã Đức Cơ	5427	10	4	5427	
1	Làng Pnuk	276	Làng Ấp	1	477	
	Làng Ấp	201				
2	Làng Krai	254	Làng Krai	1	418	
	Làng Grôn	164				
3	Làng Trol Đeng	150	Thôn Chư Ty 3	1	679	
	Tổ dân phố 3	529				
4	Tổ dân phố 4	390	Thôn Chư Ty 4	1	830	
	Tổ dân phố 9	440				
5	Làng Lung Prông	336	Làng Lung Prông	0	336	
6	Làng Hrang	300	Làng Hrang	0	300	
7	Tổ dân phố 1	799	Thôn Chư Ty 1	0	799	
8	Tổ dân phố 2	559	Thôn Chư Ty 2	0	559	
9	Tổ dân phố 6	556	Thôn Chư Ty 5	0	556	
10	Tổ dân phố 7	473	Thôn Chư Ty 6	0	473	
62	Xã Gào	3827	14	7	3827	
1	Làng Nhao 1	240	Thôn Nhao	1	512	
	Làng Nhao 2	272				
2	Thôn 1	109	Thôn Mơ Nú	2	407	
	làng Mơ Nú	229				
	Làng O sor	69				
3	Làng Thong Yố	105	Thôn Thong	1	239	
	Làng Thong ngô	134				
4	Thôn 4	258	Thôn 4	0	258	
5	Làng A	255	Làng A	0	255	
6	Làng B	119	Làng B	0	119	
7	Làng C	108	Làng C	0	108	
8	Thôn 5	153	Thôn 5	1	310	
	Thôn 6	157				
9	Làng D	214	Làng D	0	214	
10	Làng Nanglong - O Sor	137	Thôn O Gia	2	457	
	Làng O Gia	145				
	Làng Sát Tàu	175				
11	Làng O Pêch	297	Làng O Pêch	0	297	
12	Làng O Grang	286	Làng O Grang	0	286	
13	Làng De Chí	202	Làng De Chí	0	202	
14	Làng Ku Tong	163	Làng Ku Tong	0	163	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
63	Xã Hòa Hội	7023	7	7	7023	
1	Thôn Khánh Phước Thôn Vĩnh Trường	296 719	Thôn Cát Hanh	1	1015	
2	Thôn Tân Hóa Bắc Thôn Tân Hóa Nam Thôn Vĩnh Long Thôn Chánh An	283 438 297 263	Thôn Tài Đức	3	1281	
3	Thôn Mỹ Hóa Thôn Hòa Hội	635 730	Thôn Trị Bình	1	1365	
4	Thôn Khánh Lộc Thôn Tân Xuân Thôn Vĩnh Kiên	396 418 118	Thôn Vạn Phúc	2	932	
5	Thôn Hội Vân	701	Thôn Hội Vân	0	701	
6	Thôn Hòa Đại	1039	Thôn Cát Hiệp	0	1039	
7	Thôn Tùng Chánh	690	Thôn Tùng Chánh	0	690	
64	Xã Hoài Ân	8992	11	13	8992	
1	Thôn An Đôn Thôn An Thiện Thôn Linh Chiêu	113 343 312	Thôn Ân Phong	2	768	
2	Thôn An Chiêu Thôn An Hậu	526 497	Thôn An Chiêu	1	1.023	
3	Thôn An Hòa	436	Thôn An Hòa	0	436	
4	Thôn Gia Chiêu 1 Thôn Gia chiêu 2	443 627	Thôn Gia Chiêu	1	1.070	
5	Thôn Thanh Tú Thôn Gò Cau Thôn Du Tự	563 423 327	Thôn Thanh Tú	2	1.313	
6	Thôn Phú Thuận (Đội 7,8) Thôn Khoa Trường	269 509	Thôn Khoa Trường	1	778	
7	Thôn Gia Trị Thôn Đức Long	549 369	Thôn Ân Đức	1	918	
8	Thôn Vĩnh Hòa Thôn Gia Đức Thôn Phú Thuận (Đội 9)	434 508 114	Thôn Gia Đức	1	1.056	
9	Thôn Thạch Long 1 Thôn Thạch Long 2	273 202	Thôn Thạch Long	1	475	
10	Thôn Trí Tường Thôn Vĩnh Viễn	183 214	Thôn Vĩnh Tường	1	397	
11	Thôn Diêu Tường Thôn Tân Thành Thôn Lộc Giang	238 134 386	Thôn Lộc Tường	2	758	
65	Xã Hội Sơn	3734	5	3	3734	
1	Thôn Thạch Bàn Đông Thôn Thạch Bàn Tây	341 587	Thôn Thạch Bàn	1	928	
2	Thôn Long Định Thôn An Diêm Thôn Hiệp long	151 195 340	Thôn Cát Lâm	2	686	
3	Thôn Đại Khoang	916	Thôn Đại Khoang	0	916	
4	Thôn Thuận Phong	537	Thôn Thuận Phong	0	537	
5	Thôn Hội Sơn	667	Thôn Hội Sơn	0	667	
66	Xã Hra	3343	9	5	3343	
1	Làng Chrong I Làng Chrong II Làng Đak Dwe	119 189 36	Làng Chrong	2	344	
2	Làng Kon Hoa Làng Kon Chrah Làng Kơ Tu Dong	193 305 114	Làng Kon Chrah	2	612	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
3	Đê Kôn Làng Kdung	56 231	Làng KDung	1	287	
4	Thôn Phú Yên	429	Thôn Phú Yên	0	429	
5	Thôn Phú Danh	382	Thôn Phú Danh	0	382	
6	Thôn Nhơn Tân	416	Thôn Nhơn Tân	0	416	
7	Thôn Nhơn Thọ	301	Thôn Nhơn Thọ	0	301	
8	Làng Bok Ayol	372	Làng Bok Ayol	0	372	
9	Làng Kret Krot	200	Làng Kret Krot	0	200	
67	Xã Ia Bàng	6834	14	10	6834	
1	Làng Broch Thôn Djrông	246 220	Làng Broch	1	466	
2	Thôn Châm Bôm Thôn Châm Rông	197 257	Thôn Châm Rông	1	454	
3	Thôn Brông Thông Thôn Hàm Rông 1 phần Thôn O Ngó (Thôn O Ngó mới)	271 405 100	Thôn Hàm Rông	1	776	
4	Thôn O Yố Thôn O Ngó	331 146	Thôn O Yố	1	477	
5	Thôn 5 Thôn 6	426 362	Thôn La Sơn	1	788	
6	Thôn Bông Lar Thôn Ia Klai	400 139	Thôn Bông Lar	1	539	
7	Thôn 10 Thôn Odech	211 283	Thôn Odech	1	494	
8	Thôn Ngơm Thung Thôn Biabre	261 214	Thôn Ia Pét	1	475	
9	Thôn Alphun Thôn Alroh Thôn Breng	338 113 154	Thôn Alphun	2	605	
10	Thôn Bĩa Tih	312	Thôn Bĩa Tih		312	
11	Làng Adokkông	431	Làng Adokkông	0	431	
12	Thôn Blo	300	Thôn Blo	0	300	
13	Thôn O Đất	363	Thôn O Đất	0	363	
14	Thôn Brong Goai	354	Thôn Brong Goai	0	354	
68	Xã Ia Boong	4197	11	11	4197	
1	Thôn Xuân Me Làng Nốt	237 212	Thôn Xuân Me	1	449	
2	Làng Quen Thôn Yên Me	177 259	Thôn Yên Me	1	436	
3	Làng Xom Làng Đê - Sơ	140 250	Làng Đê - Sơ	1	390	
4	Làng Klũh Klãh Thôn Ninh Phúc	242 65	Làng Klũh Klãh	1	307	
5	Thôn Đoàn Kết Làng Iắt	207 107	Thôn Đoàn Kết	1	314	
6	Làng Sor Làng Gà	188 134	Làng Sor	1	322	
7	Làng Riêng Làng Tnao Làng Khor	206 135 34	Làng Riêng	2	375	
8	Làng Tung Làng Sung O - Boong Nga	204 277	Làng Sung O - Boong Nga	1	481	
9	Làng La Làng Grang Làng Kro	227 128 123	Làng La	2	478	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
10	Làng Siu	320	Làng Siu	0	320	
11	Thôn Ninh Hòa	325	Thôn Ninh Hòa	0	325	
69	Xã Ia Chia	2105	7	3	2105	
1	Làng Biã Ngó	312	Làng Biã Ngó	0	312	
2	Làng Beng	341	Làng Beng	0	341	
3	Làng Lang	360	Làng Lang	0	360	
4	Làng Tang	42	Làng Tang	0	42	
5	Làng Núi II	270	Làng Núi	1	403	
	Làng Núi I	133				
6	Làng Kom Yố	168	Làng Bang	1	363	
	Làng Bang	195				
7	Làng Kom Ngó	219	Làng Kom	1	284	
	Làng Pó	65				
70	Xã Ia Dok	4234	10	6	4234	
1	Thôn Ia Mang	282	Thôn Ia Mang	1	401	
	Thôn Ia Tang (một phần)	119				
2	Thôn Ia Tang (một phần)	300	Thôn Đoàn Kết	0	579	
	Thôn Đoàn Kết	279				
3	Làng Sung Le Tung	281	Làng Sung Le	1	436	
	Làng Sung Le Kắt (một phần)	155				
4	Làng Sung Le Kắt (một phần)	150	Làng Sung Kép	0	495	
	Làng Sung Kép	345				
5	Làng Đo	190	Làng Ghè	1	428	
	Làng Ghè	238				
6	Làng Dok Ngol	341	Làng Dok Ngol	1	493	
	Làng Lang	152				
7	Làng Pong	279	Làng Pong	1	442	
	Làng Sung	163				
8	Làng Dok Lăh	225	Làng Dok Lăh	1	305	
	Thôn Lê Kim	80				
9	Thôn Chư Bô 2	322	Thôn Chư Bô 2	0	322	
10	Thôn Chư Bô 1	333	Thôn Chư Bô 1	0	333	
71	Xã Ia Dom	2342	6	1	2342	
1	Thôn Mook Đen 1	371	Thôn Mook Đen	1	643	
	Thôn Mook Đen 2	272				
1	Thôn Mook Trêl	418	Thôn Mook Trêl	0	418	
2	Thôn Mook Trang	356	Thôn Mook Trang	0	356	
3	Thôn Ia Mút	463	Thôn Ia Mút	0	463	
4	Thôn Cửa Khẩu	155	Thôn Cửa Khẩu	0	155	
5	Làng Bi	307	Làng Bi	0	307	
72	Xã Ia Dreh	3402	10	3	3402	
1	Buôn Băh Nga	243	Buôn Băh Nga	1	461	
	Buôn Nông Siu	218				
2	Buôn Kơ Jing	295	Buôn Hdreh	1	503	
	Buôn Hdreh	208				
3	Buôn Jú	168	Buôn Ia Krông	1	344	
	Buôn Ji	176				
4	Buôn Ia Klôn	315	Buôn Ia Klôn	0	315	
5	Buôn Gum Góp	333	Buôn Gum Góp	0	333	
6	Buôn Chờ Tung	392	Buôn Chờ Tung	0	392	
7	Buôn Blăk	286	Buôn Blăk	0	286	
8	Buôn Tơ Nung	285	Buôn Tơ Nung	0	285	
9	Buôn Ia Hly	198	Buôn Ia Hly	0	198	
10	Buôn Ia Sóa	285	Buôn Ia Sóa	0	285	
73	Xã Ia Grai	6298	10	18	6298	
1	Tổ dân phố 1	337	Thôn 1	1	711	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Tổ dân phố 2	374	Thôn 1	1	374	
2	Tổ dân phố 3	249	Thôn 2	2	852	
	Tổ dân phố 4	361				
3	Thôn Thắng Trạch 1	242	Thôn 3	3	876	
	Tổ dân phố 5	209				
	Tổ dân phố 6	386				
	Làng Kép	75				
4	Làng Yam	206	Thôn 4	0	631	
	Tổ dân phố 7	631				
5	Thôn 1	152	Thôn 5	2	614	
	Thôn 2	135				
	Thôn Thắng Trạch 2	327				
6	Làng Ôrê 1	181	Làng Ia Grăng 1	3	587	
	Làng Ôrê 2	169				
	Làng Mèo	134				
	Làng Gộc	103				
7	Làng Châm	222	Làng Ia Grăng 2	2	462	
	Làng Khốp	97				
	Làng Hlũh	143				
8	Thôn Thanh Bình	199	Làng Ia Bả 1	2	589	
	Làng Bẹk	238				
	Làng Út 2	152				
9	Làng Păng Gol - Phù Tiên	230	Làng Ia Bả 2	2	586	
	Thôn Chư Hậu 6	203				
	Làng Ngái Yố	153				
10	Làng Dun De	231	Làng Ia Bả 3	1	390	
	Thôn Hợp Thành	159				
74	Xã Ia Hiao	4847	11	10	4847	
1	Thôn Thanh Trang	121	Thôn Thanh Bình	1	334	
	Thôn Thanh Bình	213				
2	Thôn Bình Trang	337	Thôn Bình Trang	0	337	
3	Thôn Sô Ma Hang B	156	Thôn Sô Ma Hang	1	382	
	Thôn Sô Ma Hang A	226				
4	Thôn Sô Ma Rong	232	Thôn Sô Ma Rong	1	465	
	Thôn Thống Nhất	233				
5	Thôn Sô Ma Long B	201	Thôn Sô Ma Long	1	463	
	Thôn Sô Ma Long A	262				
6	Thôn Yên Phú 1	210	Thôn Yên Phú	1	397	
	Thôn Yên Phú 2	187				
7	Thôn Chrôh ponan	341	Thôn Chrôh ponan	1	569	
	Thôn Tân Phú	228				
8	Bôn Mi Hoan	269	Bôn Hiao	1	511	
	Bôn Ôi HLy	242				
9	Bôn Ling	232	Bôn Ling	1	529	
	Bôn Ma Hrai	297				
10	Thôn Đoàn Kết	150	Thôn Điem 9	1	457	
	Thôn Điem 9	307				
11	Thôn Chư Knông	212	Bôn Chư Plah Jai	1	403	
	Bôn Chư Plah Jai	191				
75	Xã Ia Hnú	7983	19	10	7983	
1	Tong Yong	199	Thôn Lũh Yố	1	534	
	Lũh Yố	335				
2	Plei Dư	347	Thôn Plei Dư	0	347	
3	Plei Đung	298	Thôn Plei Đung	0	298	
4	Tao Chor	367	Thôn Tao Chor	0	367	
5	Thông B	95	Thôn Lũh Ngó	2	569	
	Lũh Ngó	271				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Lũh Rưng	203				
6	Phú Quang Tao Klăh	232 308	Thôn Phú Quang	1	540	
7	Bê Tel Tao Ôr	135 248	Thôn Bê Tel	1	383	
8	Tao Kó (263 hộ) Khô Roa	263 129	Thôn Khô Roa	1	392	
9	Tao Kó (31 hộ) Teng Nong	31 240	Thôn Teng Nong	0	271	
10	Ia Sâm	281	Thôn Ia Sâm	0	281	
11	Tung Neng Tung Blai	361 246	Thôn Tung Neng	1	607	
12	Tung Đao Tung Chreh	307 274	Thôn Tung Đao	1	581	
13	Tung Mo A Tung Mo B	382 169	Thôn Tung Mo A	1	551	
14	Làng Rìng	405	Làng Rìng	0	405	
15	Làng Kte	331	Làng Kte	0	331	
16	Làng Dek	331	Làng Dek	0	331	
17	Làng Kueng XN	415	Làng Kueng XN	0	415	
18	Thôn Ia Sa	290	Thôn Ia Sa	0	290	
19	Làng Tnúng Làng Kueng Đon	306 184	Làng Kueng Đon	1	490	
76	Xã Ia Hrug	8859	20	21	8859	
1	Làng Breng 1 Làng Breng 2	218 206	Làng Breng	1	424	
2	Làng Klăh 1 Làng Klăh 1	176 217	Làng Klăh	1	393	
3	Làng Jút 1 Làng Jút 2 Làng Brel	192 177 218	Làng Jút	2	587	
4	Làng Blang 2 Làng Blang 3 Làng Ia Tong	192 196 134	Làng Blang	2	522	
5	Làng Breng 3 Thôn Hà Thanh	304 88	Làng Breng 3	1	392	
6	Thôn 1 Thôn 2 Thôn Thanh Hà 1	154 162 284	Thôn Thanh Hà	2	600	
7	Làng Ngai Ngó Làng Út 1	209 240	Làng Ngai Ngó	1	449	
8	Thôn Tân Sao Thôn Văn Yên	252 260	Thôn Tân Sao	1	512	
9	Làng Bò (01 phần) Thôn Hợp Nhất	291 100	Làng Bò	0	391	
10	Làng Nang Làng Dút 1	270 145	Làng Nang	1	415	
11	Thôn Tân An Làng Dút 2	352 146	Thôn Tân An	1	498	
12	Thôn Đức Tân Thôn Đức Thành	240 172	Thôn Đức Tân	1	412	
13	Làng Tót Làng Nú Làng Yang (01 phần) Thôn Hợp Nhất	131 112 125 78	Làng Yang	3	446	
14	Làng Ó	226	Làng Ó	1	418	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
14	Làng Jek	192	Làng Jek	1	192	
15	Làng Blo Dung	213	Làng Máih	1	411	
	Làng Máih	198				
16	Thôn Hưng Bình Tân Hợp	344	Thôn Hưng Bình	1	480	
	Thôn 1 Ia Yok	136				
17	Thôn Lập Thành	322	Thôn Lập Thành	1	489	
	Thôn Thái Hà	167				
18	Làng Blang 1	313	Làng Blang 1	0	313	
19	Thôn Chư Hậu 5	341	Thôn Chư Hậu 5	0	341	
20	Thôn Tân Lập	366	Thôn Tân Lập	0	366	
77	Xã Ia Khuol	3724	11	15	3724	
1	Làng Mor	119	Làng Mor	3	366	
	Làng Krăh	88				
	Làng Om	96				
	Làng Hde	63				
2	Làng Pôk	175	Làng Pok	1	329	
	Làng Grút	154				
3	Làng Rơ Vai	146	Làng Rơ Vai	1	317	
	Thôn Tân Lập	171				
4	Thôn Đại An 1	182	Thôn Đại An	1	322	
	Thôn Đại An 2	140				
5	Làng Tơ Von 1	200	Làng Tơ Von	1	263	
	Làng Tơ Von 2	63				
6	Làng Kách	155	Làng Kách	1	387	
	Làng Broch	232				
7	Làng Tơ Ver	179	Làng Tơ Ver	1	325	
	Làng Klên	146				
8	Làng Kon Sơ Lăng	284	Làng Kon Sơ Lăng	1	429	
	Làng Kon Băh	145				
9	Làng Kon Chang	83	Làng Kon Măh	3	385	
	Làng Kon Pơ Nang	76				
	Làng Kon Hong Lêh	114				
	Làng Kon Măh	112				
10	Làng Kon Sơ Lăl	148	Làng Kon Sơ Lăl	2	319	
	Làng Kon Kơ Mỏ	97				
	Làng Kon Sơ Bai	74				
11	Làng Tuêk	282	Làng Tuêk	0	282	
78	Xã Ia Ko	5677	14	9	5677	
1	Thôn 3	418	Thôn 3	1	519	
	Làng Gran	101				
2	Thôn 4	311	Thôn 4	1	466	
	Làng Tel	155				
3	Làng Á	120	Làng Plong	2	392	
	Làng Tol	62				
	Làng PLong (ĐBKK)	210				
4	Làng Sor	206	Làng O Grung	1	426	
	Làng O Grung	220				
5	Làng Mung	87	Làng Mung	1	301	
	Làng Sur B	214				
6	Làng Hra	323	Làng Tong Kek	2	504	
	Thôn 6C	79				
	Làng Tong Kek	102				
7	Thôn Dư Keo	208	Thôn Dư Keo	1	346	
	Cây Xoài	138				
8	Làng Vel	213	Làng Vel	0	213	
9	Làng O Bung	344	Làng O Bung	0	344	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
10	Thôn 1	513	Thôn 1	0	513	
11	Thôn 2	557	Thôn 2	0	557	
12	Làng Tai Glai	387	Làng Tai Glai	0	387	
13	Làng Sur A (ĐBKk)	346	Làng Sur A	0	346	
14	Làng Tai Pêr	363	Làng Tai Pêr	0	363	
79	Xã Ia Krái	7115	18	18	7115	
1	Làng Jrăng Blo	242	Thôn Ia Khai	1	453	
	Làng Yom	211				
2	Làng Jrăng Krăi	206	Thôn A SANH	1	307	
	Làng Nủ	101				
3	Làng Éch	212	Thôn PÔ KÔ	1	402	
	làng Tung Chưch	190				
4	Thôn Ia Tô	454	Thôn Ia Tô	0	477	
	Làng Nang (khu Nang O)	23				
5	Thôn 1	251	Thôn 705	1	430	
	Thôn 705	179				
6	Làng Doch Ia Krot	326	Thôn Chư Nghé	1	405	
	Làng Doch Tung	79				
7	Làng Ó	144	Thôn Doch Kuế	2	391	
	Làng Kăm	79				
	Làng Doch Kuế	168				
8	Làng Bi Ia Yom	89	Thôn Bi Ia Yom	2	316	
	Làng Bi Ia Nách	81				
	Làng Myah	146				
9	Thôn 10	143	Thôn Ia Blan	2	453	
	Thôn Ia Blan	191				
	Làng BiDe	119				
10	Thôn 8	249	Thôn 1	1	339	
	Làng Te	90				
11	Thôn 5	113	Thôn 5	2	406	
	Thôn 6	208				
	Thôn 7	85				
12	Làng KMông	163	Thôn Kmông	1	344	
	Làng Nang	168				
	Thôn Ia Tô (xóm mía)	13				
13	Làng Krung	168	Thôn Ia Châm	1	518	
	Thôn Ia Châm	350				
14	Làng Delung 1	120	Thôn Delung	1	357	
	Làng Delung 2	237				
15	Thôn 3	374	Thôn 3	1	463	
	Làng Tung Breng	89				
16	Làng Del	242	Thôn Del	0	305	
	Thôn Ia Tô (Một xóm)	63				
17	Thôn 2	393	Thôn 2	0	393	
18	Thôn 4	356	Thôn 4	0	356	
80	Xã Ia Krêl	5416	15	8	5416	
1	Làng Le 1	267	Làng Le	1	501	
	Làng Le 2	234				
2	Làng Yít Tú	264	Làng Yít Rông	1	406	
	Làng Yít Rông 2	142				
3	Thôn Đoàn Kết	358	Thôn Quyết Thắng	1	502	
	Thôn Quyết Thắng	194				
4	Thôn Đồng Tâm 1	201	Thôn Đồng Tâm	1	492	
	Thôn Thống Nhất	241				
5	Thôn Ia Lâm Tôk	216	Thôn Ia Lâm	1	454	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Thôn Ia Lâm	238	Thôn Ia Lâm	1	238	
6	Làng Krêl	175	Làng Krol Krêl	1	321	
	Làng Krol	146				
7	Thôn Ia Kăm	101	Thôn Thanh Giáo	1	535	
	Thôn Thanh Giáo	386				
8	Thôn Thanh Tân	287	Làng Ngo Rông	1	383	
	Làng Ngo Rông	144				
9	Làng Phang	192	Làng Phang	0	192	
10	Làng Klũh Yêh	235	Làng Klũh Yêh	0	235	
11	Làng Gào	321	Làng Gào	0	321	
12	Làng Nêh	322	Làng Nêh	0	322	
13	Làng Al Gôn	301	Làng Al Gôn	0	301	
14	Làng Ngo Le	194	Làng Ngo Le	0	194	
15	Làng Khóp	257	Làng Khóp	0	257	
81	Xã Ia Lâu	4790	10	10	4790	
1	Làng Đút	157	Làng Đút	1	288	
	Thôn Phố Hiến	131				
2	Thôn Cao Lạng	241	Thôn Pác Pó	1	688	
	Thôn Pác Pó	447				
3	Làng Tu	251	Làng Tu	1	495	
	Thôn Bắc Thái	244				
4	Thôn Lũng Vân	301	Thôn Đà Bắc	1	520	
	Thôn Đà Bắc	219				
5	Thôn 7	207	Thôn Hòa Bình	1	366	
	Thôn Hòa Bình	159				
6	Thôn 8	270	Thôn Ninh Hòa	1	495	
	Thôn 6	225				
7	Thôn 5	142	Làng Me	1	397	
	Làng Me	255				
8	Thôn Pior 1	231	Làng Pior	2	651	
	Thôn Pior 2	212				
	Thôn Tân Thanh	208				
9	Thôn Yên Hưng	143	Làng Phung	1	400	
	Làng Phung	257				
10	Thôn Đoàn Kết	490	Thôn Đoàn Kết	0	490	
82	Xã Ia Le	5454	13	5	5494	<i>Tăng 40 hộ từ xã Chư Pưh chuyển qua</i>
1	Thôn Thủy Phú A	278	Thôn Phú Hòa	1	608	
	Thôn Phú Hòa	330				
2	Làng Phung	22	Thôn Cuối Lóp	1	391	
	Thôn Cuối Lóp	369				
3	Thôn Ia Jol	127	Thôn Ia Jol	1	339	
	Thôn Ia Brel	212				
4	Thôn Ia Bia	202	Thôn Ia Bia	1	502	
	Thôn 6	300				
5	Thôn Phú Vinh	325	Thôn Phú Vinh	1	675	
	Thôn Thủy Phú B	350				
6	Làng Kuăi	83	Làng Kuăi	0	123	
	Làng Plei Ngăng (<i>tiếp nhận 40 hộ từ xã Chư Pưh</i>)					
7	Thôn Phú An	441	Thôn Phú An	0	441	
8	Thôn Phú Bình	496	Thôn Phú Bình	0	496	
9	Thôn Kênh Săn	293	Thôn Kênh Săn	0	293	
10	Thôn Kênh Hmek	421	Thôn Kênh Hmek	0	421	
11	Thôn Thiên An	456	Thôn Thiên An	0	456	
12	Thôn Phú Hà	422	Thôn Phú Hà	0	422	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
13	Thôn Lương Hà	327	Thôn Lương Hà	0	327	
83	Xã Ia Ly	3781	8	8	3781	
1	Tổ dân phố 1	475	Thôn Ia Lâm	0	475	
2	Tổ dân phố 2	410	Thôn Ia Ping	1	702	
	Tổ dân phố 3	292				
3	Làng Mun	238	Làng Mun	1	397	
	Làng Phung	159				
4	Làng Kép 1	250	làng Kép	2	660	
	Làng Kép 2	253				
	Làng A Mong	157				
5	Thôn Ia Lôk	164	Làng Al	1	381	
	Làng Al	217				
6	Làng Vân	278	Làng Vân	2	569	
	Làng Yăh	93				
	Làng Bloi	198				
7	Làng Dôch 1	158	Làng Dôch	1	311	
	Làng Dôch 2	153				
8	Làng Díp	286	Làng Díp	0	286	
84	Xã Ia Mơ	849	4	2	849	
1	Làng Klăh	262	Làng Klăh	1	421	
	Làng Krông	159				
2	Làng Hnáp	118	Làng Hnáp	1	197	
	Làng Khôi	79				
3	Làng Rìng	100	Làng Rìng		100	
4	Làng Khôn	131	Làng Khôn		131	
85	Xã Ia Nan	2176	7	2	2176	
1	Thôn Ia Đao	195	Thôn Ia Đao	1	406	
	Thôn Ia Nhú	211				
2	Thôn Ia Boong	134	Thôn Đức Hưng	1	379	
	Thôn Đức Hưng	245				
3	Thôn Ia Chia	320	Thôn Ia Chia	0	320	
4	Thôn Ia Kle	214	Thôn Ia Kle	0	214	
5	Làng Nú	293	Làng Nú	0	293	
6	Làng Sơn	268	Làng Sơn	0	268	
7	Làng Tung	296	Làng Tung	0	296	
86	Xã Ia O	2734	6	3	2734	
1	Làng Dăng	426	Làng O	1	599	
	Làng O	173				
2	Làng Bi	289	Làng Bi	1	590	
	Làng Kloong	301				
3	Làng Mít Kom I	142	Làng Mít Kom II	1	380	
	Làng Mít Kom II	238				
4	Làng Lân	489	Làng Lân	0	489	
5	Làng Cúc	323	Làng Cúc	0	323	
6	Làng Mít Jép	353	Làng Mít Jép	0	353	
87	Xã Ia Pa	7517	12	11	7517	
1	Quý Đức	358	Thôn Quý Đức	1	599	
	Quý Tân	241				
2	Bôn Chợ Ma	405	Bôn Thăm	1	747	
	Bôn Thăm	342				
3	Bôn Trok	242	Bôn Tông Sê	1	543	
	Bôn Tông Sê	301				
4	Thôn Kơ Nĩa	231	Ploi RNgôl	1	548	
	Ploi RNgôl	317				
5	Thôn BahLeng	337	Thôn BahLeng	1	608	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Thôn Đoàn Kết	361	Thôn Đoàn Kết	1	361	
6	Thôn Ama San	188	Thôn Ama San	1	499	
	Thôn Ama Rin 3	311				
7	Thôn Ama Rin 1	259	Thôn Ama Rin	1	643	
	Thôn Ama Rin 2	384				
8	Thôn Ama H'Lil 1	341	Thôn Ama H'Lil	1	655	
	Thôn Ama H'Lil 2	314				
9	Thôn 1	277	Thôn Kim Tân	2	792	
	Thôn 2	326				
	Thôn Đồng Sơn	189				
10	Thôn Mơ Năng 2	367	Thôn Blôm	1	953	
	Thôn Blôm	586				
11	Thôn Đăk Chá	426	Thôn Đăk chá	0	426	
12	Thôn Kim Năng	414	Thôn Kim Năng	0	414	
88	Xã Ia Phí	5776	14	16	5776	
1	Làng Yut	142	Làng Pơ Tum	2	353	
	làng Kênh	165				
	Làng Tum	46				
2	làng Óp	148	Làng Or	2	468	
	Làng Rồi	164				
	Làng Or	156				
3	Làng Yăng 3	112	Làng Yăng	2	422	
	Làng Yăng 2	148				
	Làng Kép	162				
4	Làng Prép	135	Làng Prep	2	401	
	Làng Kote	133				
	Làng Lút	133				
5	Làng Mrông Yố 1	240	Làng Mrông Yố	1	494	
	Làng Mrông Yố 2	254				
6	Làng Mrông Ngó 3	251	Làng Mrông Ngó	1	456	
	Làng Mrông Ngó 4	205				
7	Thôn 1	249	Thôn 3	1	518	
	Thôn 2	269				
8	Thôn 1	435	Thôn 1	1	615	
	Làng Kênh Chóp	180				
9	Thôn 2	289	Thôn 2	1	512	
	thôn 3	223				
10	Thôn 6	268	Thôn 4	1	433	
	Thôn 7	165				
11	Thôn Ia Sik	160	Làng Bàng	1	329	
	Làng Bàng	169				
	Làng Bluk Blui	169	Làng Bluk Blui	1	364	
	Làng Jruăng	195				
15	Làng Bui	205	Làng Bui	0	205	
16	Làng Roih	206	Làng Roih	0	206	
89	Xã Ia Pia	4717	9	15	4717	
1	Làng Xom Pốt	217	Làng Hát	1	454	
2	Làng Hát	237				
3	Làng Ngó	289	Làng Hle	2	775	
4	Làng Hle	279				
5	Làng Lú	207				
6	Thôn Tân Lập	237	Thôn Tân Bình	1	489	
7	Thôn Bình Nguyên	252				
8	Làng Doách	260	Làng Doách	1	410	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
9	Làng Aneh	159	Làng Đoàn	1	159	
10	Thôn Cát Mỹ	90	Thôn Phù Cát	4	545	
11	Thôn Tân Thủy 1	106				
12	Làng O Ngol	120				
13	Thôn Phù Cát	163				
14	Thôn Đồng Hải	66				
15	Thôn 4	140	Làng Hlang Ngol	3	670	
16	Làng Siu	106				
17	Làng Ó	200				
18	Làng Hlang Ngol	224				
19	Tân Thủy (la Ga cũ)	195	Thôn Tân Thủy	1	437	
20	Thôn Thống Nhất	242	Làng Tu 1	0	478	
21	Làng Tu 1	478	Làng Tu 2	2	450	
22	Làng Tu 2	127				
23	Thôn Đồng Tâm	203				
24	Làng Khôi	120				
90	Xã Ia Pnôn	1352	3	1	1352	
1	Làng Chan	515	Làng Chan	0	515	
2	Làng Ba	193	Làng Bua	1	527	
	Làng Bua	334				
3	Làng Bua	212	Làng Triêl	0	310	
	Làng Triêl	98				
91	Xã Ia Púch	937	3	1	937	
1	Làng Brang	81	Làng Brang	1	374	
	Làng Bih	113				
	Đội 14 Đoàn KTQP 710	36				
	Đội 15 Đoàn KTQP 717	39				
	Nông trường Công ty Quốc Cường	20				
	Nông trường 1 Công ty Quang Đức	29				
	Nông trường 2 Công ty Quang Đức	24				
	Nông trường 3 Công ty Quang Đức	19				
Nông trường 4 Công ty Quang Đức	13					
2	Làng Goòng	363	Làng Goòng	0	371	
	Đồn BP Ia Púch	1				
	Nông trường Công ty TNHH MTV chăn nuôi bò Trung Nguyên	7				
3	Làng Chư Kó	160	Làng Chư Kó	0	192	
	Đội 8 Đoàn KTQP 717	19				
	Đội 7 Đoàn KTQP 717	13				
92	Xã Ia Rbol	2378	6	6	2378	
1	Bôn Hoanh	77	Bôn Krái	2	422	
	Bôn Krái	145				
	Bôn Sar	200				
2	Bôn Rung Ma Nheu	165	Bôn Rung Ma Nin	1	398	
	Bôn Rung Ma Nin	233				
3	Bôn Rung Ma Rai	104	Bôn Rung Ma Đoan	1	310	
	Bôn Rung Ma Đoan	206				
4	Bôn Hiao	255	Bôn Bir	1	458	
	Bôn Bir	203				
5	Bôn Chư Băh A	348	Bôn Chư Băh	1	537	
	Bôn Chư Băh B	189				
6	Bôn Hoai	253	Bôn Hoai	0	253	
93	Xã Ia Rsai	4982	10	8	4982	
1	Buôn Chư Jut	424	Buôn Chư Jut	0	424	
2	Buôn Chư Bang	255	Buôn Ma Rok	1	544	
	Tập đoàn 4+5	289				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
3	Buôn Tơ Nia	375	Buôn Tơ Nia	0	375	
4	Buôn Đông Thuó	324	Buôn Chư Gu	1	580	
	Buôn Ka Tô	256				
5	Thôn Sông Ba	232	Buôn Du	1	583	
	Buôn Du	351				
6	Buôn H' Lang	292	Thôn Chư Rcam	1	563	
	Thôn Mới	271				
7	Buôn Đoàn Kết	425	Buôn Đoàn Kết	0	425	
8	Thôn Quỳnh Phụ	215	Thôn Quỳnh Phụ	1	332	
	Buôn Chư Tê	117				
9	Buôn Puh Chik	337	Buôn Pan	1	587	
	Buôn Pan	250				
10	Buôn Enan	252	Buôn Chư Jú	2	569	
	Buôn Ekia	111				
	Buôn Chư Jú	206				
94	Xã Ia Sao	2005	5	5	2005	
1	Bôn Hoang 1	221	Bôn Hoang	1	396	
	Bôn Hoang 2	175				
2	Bôn Khăn	313	Bôn Khăn	1	457	
	Thôn Quyết Thắng	144				
3	Bôn H' Liếp	185	Bôn H' Liếp	1	411	
	Bôn Phu Ama Miong	226				
4	Bôn Phu Ama Nher 1	171	Bôn Phu Ama Nher	1	340	
	Bôn Phu Ama Nher 2	169				
5	Bôn Jư Ama Nai	144	Thôn Đức Lập	1	401	
	Thôn Đức Lập	257				
95	Xã Ia Tôr	4178	9	11	4178	
1	Thôn Đoàn Kết	136	Thôn Đoàn Kết	1	417	
	Làng Ó Kly	281				
2	Làng Blu	88	Làng Nêh Xo	2	379	
	Làng Nêh Xo	144				
	Làng Hle Ngol	147				
3	Thôn 1	116	Thôn Nhon Hà	2	483	
	Thôn 4	182				
	Thôn Nhon Hà	185				
4	Làng Mút Thong	215	Làng Bang Ngol	1	509	
	Làng Bang Ngol	294				
5	Làng Anh	193	Làng Anh	1	280	
	Làng Nét	87				
6	Thôn Cát Tân	102	Làng Tor Bang	1	303	
	Làng Tor Bang	201				
7	Thôn Phú Vinh	460	Thôn Phú Vinh	1	702	
	Thôn Phú Tân	242				
8	Thôn Phú Mỹ	381	Thôn Phú Mỹ	1	602	
	Làng Klăh - Băng	221				
9	Làng Bạk - Kuao	219	Làng Phun - Thanh	1	503	
	Làng Phun - Thanh	284				
96	Xã Ia Tul	4515	10	6	4515	
1	Bôn Broãi	224	Bôn Broãi	1	600	
	Bôn Jư (147 hộ)	147				
	Bôn Ia Rniu	229				
2	Bôn Jư (207 hộ)	207	Bôn Tơ Khế	1	398	
	Bôn Tơ Khế	191				
3	Bôn Biah B	271	Bôn Biah B	1	478	
	Bôn Tul	207				
4	Bôn Biah A	316	Bôn Biah A	0	316	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
5	Ploi Apa Oi H' Trông	405	Ploi Apa Oi H' Trông	0	405	
6	Ploi Apa Ama Đá	266	Ploi Apa Ama Đá	1	566	
	Ploi Apa Ama Lim	300				
7	Ploi Apa Ama H' Lăk	334	Ploi Apa Ama H' Lăk	0	334	
8	Ploi Apa Oi H' Briu	311	Ploi Apa Oi H' Briu	0	311	
9	Ploi Kdăm	269	Bôn Dlai Bâu	1	541	
	Bôn Dlai Bâu	272				
10	Ploi H' Bel	270	Ploi Toan	1	566	
	Ploi Toan	296				
97	Xã Kbang	6322	14	17	6322	
1	Thôn 1	264	Thôn 1	1	302	
	Làng Chre	38				
2	Thôn 2	426	Thôn 2	1	558	
	Làng Nak	132				
3	Thôn 3	323	Thôn 3	0	323	
4	Thôn 4	288	Thôn 4	1	355	
	Làng Chiêng	67				
5	Thôn 5	422	Thôn 5	2	703	
	Thôn 13	197				
	Làng Htăng	84				
6	Thôn 6	349	Thôn 6	0	349	
7	Thôn 7	480	Thôn 7	0	480	
8	Thôn 8	262	Thôn 8	1	713	
	Thôn 9	451				
9	Thôn 12	362	Thôn 9	1	470	
	Làng Groi	108				
10	Thôn 10	457	Thôn 10	1	526	
	Làng Hợp	69				
11	Thôn 11	337	Thôn 11	0	337	
12	Thôn 15	120	Làng Bôn	3	336	
	Làng Bôn	106				
	Làng Lọk	52				
	Làng Kbonng	58				
13	Thôn 14	204	Làng Lơ Ku	4	523	
	Làng Lơ Vi	57				
	Làng Tằng	67				
	Làng Đăk Kjong	85				
	Làng Chơch	110				
14	Làng Đăk Smar	131	Làng Đăk Smar	2	347	
	Thôn 16	63				
	Làng Krói	153				
98	Xã KDang	5433	11	9	5433	
1	Thôn Thung	137	Thôn Rong	2	497	
	Thôn Rong	206				
	Thôn Sól Trang	154				
2	Thôn Ktăng	181	Thôn Ktăng	1	414	
	Thôn Bla-Trek	233				
3	Thôn Aluk	219	Thôn Aluk	1	350	
	Thôn Hnap	131				
4	Thôn Mrah	96	Thôn R'khuong-Tleo	1	383	
	Thôn R'khuong-Tleo	287				
5	Thôn Tân Lập	182	Thôn Tân Lập	1	469	
	Thôn Tân Tiến	287				
6	Thôn Hà Lòng 1	510	Thôn Hà Lòng	1	907	
	Thôn Hà Lòng 2	397				
7	Thôn Cầu Vàng	564	Thôn Cầu Vàng	1	564	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Thôn Cây Diệp	264	Thôn Cầu Vàng	1	620	
8	Thôn Hlang	165	Thôn BotGrek	1	522	
	Thôn BotGrek	357				
9	Thôn Blung	300	Thôn Blung	0	300	
10	Thôn Kò	312	Thôn Kò	0	312	
11	Thôn Kol	451	Thôn Kol	0	451	
99	Xã Kim Sơn	3549	6	6	3549	
1	Thôn T1	101	Thôn Bà Bôi	2	302	
	Thôn T2	127				
	Thôn T6	74				
2	Thôn T4	122	Thôn Bok Tới	1	263	
	Thôn T5	141				
3	Nhon Sơn	379	Thôn Nghĩa Sơn	1	651	
	Nghĩa Nhon	272				
4	Kim Sơn	866	Thôn Kim sơn	0	866	
5	Hương Quang	220	Thôn Phú Quang	1	675	
	Phú Ninh	455				
6	Bình Sơn	528	Thôn Bình Điền	1	792	
	Nghĩa Điền	264				
100	Xã Kon Chiêng	2287	6	5	2287	
1	Làng Klah	155	Làng Klah	2	383	
	Làng Deng	121				
	Làng Ktu (2/3 làng Ktu)	107				
2	Làng Git	271	Làng Ktu	0	312	
	Làng Ktu (1/3 làng Ktu)	41				
3	Làng Đăk Ó	332	Làng Đăk Ó	0	332	
4	Làng Toak	251	Làng Thương	2	543	
	Làng Tar	184				
	Làng Thương	108				
5	Làng Đăk Bết	232	Làng Đăk Bot	0	324	
	Làng Đăk Bot (1/3 làng)	92				
6	Làng Tơ Bla	224	Làng Tơ Bla	1	393	
	Làng Đăk Bot (2/3 làng)	169				
101	Xã Kon Gang	5681	13	8	5681	
1	Thôn Ktu	275	Thôn Ktu	1	472	
	Thôn Tam Diệp	197				
2	Thôn Klót	236	Thôn Klot	1	362	
	Thôn Krái	126				
3	Thôn K'Dập	214	Thôn Dung Rơ	1	362	
	Thôn Dung Rơ	148				
4	Thôn Bình Giang	259	Thôn Krun	1	483	
	Thôn Krun	224				
5	Thôn Đê Hoch	162	Thôn Đê Klah	1	394	
	Thôn Đê Klah	232				
6	Thôn 1 (Đak Krong cũ)	142	Thôn 4	1	371	
	Thôn 4 (Đak Krong cũ)	229				
7	Thôn ĐakMong	225	Thôn Đak Mong	2	583	
	Thôn Đê Thung	135				
	Thôn 5 (Đak Krong cũ)	223				
8	Thôn 1 (Nam Yang cũ)	709	Thôn 1	0	709	
9	Thôn 2 (Nam Yang cũ)	323	Thôn 2	0	323	
10	Thôn 3 (Nam Yang cũ)	496	Thôn 3	0	496	
11	Thôn 5 (Nam Yang cũ)	466	Thôn 5	0	466	
12	Thôn 3 (Đak Krong cũ)	330	Thôn 6	0	330	
13	Thôn Kóp	330	Thôn Kóp	0	330	
102	Xã Kông Bơ La	4460	12	8	4460	
1	Thôn 1	185	Thôn Thống Nhất	1	372	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Thôn 2	187	Thôn Thương Nhuet	1	512	
2	Thôn 5	260	Thôn Đăk HLo	0.5	397	
	Thôn 6 (1/2 thôn 6 thuộc thôn 3 cũ)	137				
3	Thôn 7	194	Thôn Sông Ba	0.5	333	
	Thôn 6 (1/2 thôn 6 thuộc thôn 2 cũ)	139				
4	Làng Briêng	119	Làng Bla	1	297	
	Thôn 3	178				
5	Thôn 4	157	Làng Lợk 2	1	278	
	Làng Lợk	121				
6	Bình An	73	Làng Lợk 1	1	270	
	Làng Lợk	197				
7	Nghĩa An 2	321	Thôn Nghĩa An 2	1	513	
	Thôn 10	192				
8	Thôn 12	278	Thôn Tân Đông	1	511	
	Thôn 13	233				
9	Thôn 14	269	Thôn Kông Chư Pí	1	510	
	Thôn 15	241				
10	Nghĩa An 1	399	Thôn Nghĩa An 1		399	
11	Thôn 11	319	Thôn An Đông		319	
12	Thôn 16	261	Thôn Đoàn kết		261	
103	Xã Kông Chro	5070	9	8	5070	
1	Làng Ktòh	369	Làng Ktòh	0	369	
2	Làng Nghe	574	Làng Nghe	0	574	
3	Làng Hle Ktu	430	Làng Hle Ktu	0	430	
4	Thôn 1	551	Thôn 1	1	992	
	Thôn 2	441				
5	Làng Dong	334	Làng Dong	1	699	
	Làng Pyang	365				
6	Thôn 9	243	Thôn Yang Trung	3	675	
	Thôn 10	62				
	Làng Tnang	203				
	Làng Hle Hlang	167				
7	Làng Tpông	295	Làng Tpông	1	481	
	Làng Hlang	186				
8	Làng Von	189	Làng Glung	1	385	
	Làng Glung	196				
9	Làng Rong Tnia	287	Làng Rong Tnia	1	465	
	Làng Ya Ma- Hòa Bình	178				
104	Xã Krong	1475	5	5	1475	
1	Làng Sơ Lam	174	Làng Sơ Lam	1	276	
	Làng Vir	102				
2	Làng Hro	135	Làng Hro	1	278	
	Làng Sing	143				
3	Làng Tăng Lăng	186	Làng Tăng Lăng	1	356	
	Làng Tung Gút	170				
4	Làng Klur	88	Làng Đăk Kopia	2	345	
	Làng Pngăl	90				
	Làng Kléch	167				
5	Làng Đăk Bok	220	Làng Đăk Bok	0	220	
105	Xã Lơ Pang	4216	12	8	4216	
1	Làng Alao	216	Làng Đak Chơ Hmai	1	424	
	Làng Đak Lah – Tơ Drah	208				
2	Làng Chup	234	Làng Chup	1	474	
	Làng Hlim	240				
3	Làng Blên	156	Làng Đak Tơ Tung	1	306	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Làng Roh	150	Làng Đak Tô Tung	1	300	
4	Làng Groi	339	Làng Groi	1	439	
	Làng Đak Pơ Nan	100				
5	Làng Đak Trang	192	Làng Đak Dơ Nâu	1	479	
	Làng Dơ Nâu	287				
6	Làng Ar Dôch - Kơ Tu	142	Làng Ar Dôch Kơ Tu	1	227	
	Làng Ar Dết	85				
7	Làng Ar Quát	169	Làng Ar Tơ Măn	1	346	
	Làng Ar Tơ Măn	177				
8	Làng Ar Trớ	209	Làng Đak Rông	1	345	
	Làng Đôn Hyang	136				
9	Làng Pyâu	138	Làng Pyâu	0	138	
10	Làng Pơ Nang	325	Làng Pơ Nang	0	325	
11	Làng Chuk	425	Làng Chuk	0	425	
12	Làng Ar Bơ Tòk	288	Làng Ar Bơ Tòk	0	288	
106	Xã Mang Yang	7863	19	7	7863	
1	Thôn Châu Khê	310	Thôn Châu Khê	1	632	
	Thôn Châu Thành	322				
2	Thôn Châu Sơn	287	Thôn Mỹ Yang	1	389	
	Thôn Mỹ Yang	102				
3	Làng Đak Yă	210	Làng Đak Yă	1	449	
	Làng Đak Trôk	239				
4	Thôn 1	416	Thôn 1	0	416	
5	Thôn 3	451	Thôn 3	0	451	
6	Làng Bông Hiôt	394	Làng Bông Hiôt	0	394	
7	Thôn Linh Nham	304	Thôn Linh Nham	0	304	
8	Thôn Tân Phú	324	Thôn Tân Phú	0	324	
9	Làng Đê Tur	247	Làng Đê Tur	0	247	
10	Làng Brêp	177	Làng Đê Gol	1	307	
	Làng Đê Gol	130				
11	Làng Hrak	232	Thôn Hà Ra	1	359	
	Làng Hà Ra	127				
12	Làng Đê Ron	259	Làng Đê Ron	0	259	
13	Tổ dân phố 1	554	Thôn 2	0	554	
14	Tổ dân phố 2	425	Thôn Kon Dong	1	846	
	Tổ dân phố 5	421				
15	Tổ dân phố 3	448	Thôn 5	0	448	
16	Tổ dân phố 4	544	Thôn 4	0	544	
17	Tổ dân phố 6	436	Thôn 6	0	436	
18	Làng Đê Hrel	110	Làng Đê Ktur	1	277	
	Làng Đê Ktur	167				
19	Làng Đê Kôp Duol	227	Làng Đê Kôp Duol	0	227	
107	Xã Ngô Mây	6281	9	7	6281	
1	Hung Mỹ 1	558	Thôn Hung Mỹ	1	836	
	Hung Mỹ 2	278				
2	Mỹ Long	361	Thôn Mỹ Long	1	580	
	Mỹ Thuận	219				
3	Hội Lộc	285	Thôn Khánh Lộc	1	684	
	Lộc Khánh	399				
4	Vĩnh Phú	740	Thôn Vĩnh Phú	1	1035	
	Mỹ Bình	295				
5	½ Phú Giáo (Phía Bắc)	173	Thôn Phú Hưng	0.5	470	
	Hưng Trị	297				
	Long Hậu	444				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
6	½ Phú Giáo (Phía Nam)	200	Thôn Long Hậu	0.5	644	
7	Chánh Định	530	Thôn Chánh Định	1	727	
	Vân Triêm	197				
8	Chánh Hội	616	Thôn Chánh Hội	0	616	
9	Chánh Hữu	226	Thôn Chánh Hữu	1	689	
	Phú Hậu	463				
108	Xã Nhơn Châu	601	2	1	601	
1	Thôn Tây	255	Thôn Tây	0	301	
	Thôn Trung (một phần)	46				
2	Thôn Trung (một phần)	122	Thôn Đông	1	300	
	Thôn Đông	178				
109	Xã Phù Cát	12509	11	10	12.509	
1	Bình Đức	743	Thôn Hoà Bình	1	1867	
	Hòa Đông	1124				
2	Tân Hòa	621	Thôn Tân Hoà	2	1256	
	Tân Lệ	431				
	Hữu Hạnh	204				
3	An Kim	392	Thôn An Kim	1	816	
	An Ninh	424				
4	An Hành Tây	415	Thôn An Hành Tây	1	757	
	An Hòa	342				
5	An Bình	296	Thôn An Hành	3	1442	
	An Phú	326				
	An Khương	451				
	An Thọ	369				
6	An Kiều	219	Thôn An Kiều	1	654	
	An Phong	435				
7	An Đức	865	Thôn An Đức	1	1227	
	Phú Nhơn	362				
8	Kiều Huyền	803	Thôn Kiêu Huyền		803	
9	Kiều An	922	Thôn Kiêu An		922	
10	Phú Kim	1642	Thôn Phú Kim		1642	
11	Phong An	1123	Thôn Phong An		1123	
110	Xã Phù Mỹ	6805	9	11	6805	
1	Diêm Tiêu	657	Thôn Diêm Tiêu	0	657	
2	Trà Quang	627	Thôn Trà Quang	1	977	
3	Trà Quang Bắc	350				
4	Trà Quang Nam	584	Thôn Phú Thiện	1	892	
5	Phú Thiện	308				
6	An Lạc Đông 1	579	Thôn An Lạc Đông	1	932	
7	An Lạc Đông 2	353				
8	Tường An	330	Thôn Tân Tường An	1	508	
9	Tân An	178				
10	Bình Trị	464				
11	Trung Thành 2	253	Thôn Bình Trị	1	717	
12	Trung Thành 1	382				
13	Trung Thành 3	259	Thôn Trung Thành	2	863	
14	Trung Thành 4	222				
15	Trung Hậu	285	Thôn Trung Thuận	2	643	
16	Trung Thuận	254				
17	Trung Tường	104				
18	Trung Thứ	234	Thôn Trung Thứ	2	616	
19	Trung Bình	167				
20	Trung Hiệp	215				
111	Xã Phù Mỹ Bắc	6863	12	13	6863	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Thôn Phú Thứ	376	Thôn Phú Thứ	1	656	
	Thôn Phú Hòa	280				
2	Thôn Phú Hà	240	Thôn Hòa Tân	1	642	
	Thôn Hòa Tân	402				
3	Thôn An Giang Đông	232	Thôn An Giang	1	546	
	Thôn An Giang Tây	314				
4	Thôn Quang Nghiễm	302	Thôn Lộc Thái	1	610	
	Thôn Lộc Thái	308				
5	Thôn Vạn An	422	Thôn Vạn An	2	763	
	Thôn Vạn Lương	234				
	Thôn Vạn Thiện	107				
6	Thôn Vạn Thiết	240	Thôn Vạn Thiết	1	468	
	Thôn Trà Thung	228				
7	Thôn Châu Trúc	344	Thôn Châu Trúc	1	634	
	Thôn Mỹ Trang	290				
8	Thôn An Bão	341	Thôn An Bão	1	503	
	Thôn An Tường	162				
9	Thôn Cửu Thành	289	Thôn Cửu Thành	2	561	
	Thôn Vĩnh Thuận	85				
	Thôn Tân Ôc	187				
10	Thôn Vạn Định	421	Thôn Vạn Định	1	774	
	Thôn Vạn Phú	353				
11	Thôn Tân Lộc	189	Thôn Tân Lộc	1	332	
	Thôn Nghĩa Lộc	143				
12	Thôn Tân Phú	374	Thôn Tân Phú	0	374	
112	Xã Phù Mỹ Đông	9773	14	13	9773	
1	Thôn 4	413	Thôn Phú Lộc	1	598	
2	Thôn Hòa Ninh	185				
3	Thôn 8 Tây	528	Thôn An Lạc	1	778	
4	Thôn 8 Đông	250				
5	Thôn 7 Nam	174	Thôn Thanh Thủy	2	701	
6	Thôn 7 Bắc	234				
7	Thôn Xuân Phương	293				
8	Thôn Thuận Đạo	348	Thôn Chánh Giáo	1	667	
9	Thôn Chánh Giáo	319				
10	Thôn Cát Tường	428	Thôn Cát Tường	1	635	
11	Thôn Chánh Đạo	207				
12	Thôn Chánh Tường	316	Thôn Đại Chánh	1	561	
13	Thôn Đại Lương	245				
14	Thôn Chánh Trạch 2	328	Thôn Tân Chánh	1	443	
15	Thôn Tân Thành	115				
16	Thôn Thuận An	147	Thôn Chánh Trạch	2	543	
17	Thôn Chánh Trạch 1	182				
18	Thôn Chánh Trạch 3	214				
19	Thôn Tân Phụng 1	687	Thôn Tân Phụng	1	1093	
20	Thôn Tân Phụng 2	406				
21	Thôn 10	441	Thôn An Hòa	1	815	
22	Thôn 11	374				
23	Thôn Xuân Thạnh Nam	448	Thôn Xuân Thạnh	1	1021	
24	Thôn Xuân Thạnh	573				
25	Thôn 9	766	Thôn An Tịnh	0	766	
26	Thôn Thôn Xuân Bình	483	Thôn Thôn Xuân Bình	0	483	
27	Thôn Chánh Trực	669	Thôn Chánh Trực	0	669	
113	Xã Phù Mỹ Nam	7453	13	16	7453	
1	Vạn Thiện	323	Thôn Vạn Thiện	1	446	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Hữu Lộc	123	Thôn Hữu Lộc	1	123	
2	Bình Long	495	Thôn Bình Long	0	495	
3	Vạn Phước Đông	309	Thôn Vạn Phước	1	512	
	Vạn Phước Tây	203				
4	An Trinh	714	Thôn An Trinh	0	714	
5	Đại Thuận	409	Thôn Đại Thuận	0	409	
6	Thanh An	136	Thôn Đại An	3	673	
	Vạn Lộc	121				
	Tú Dương	154				
	Đại Thạnh	262				
7	Đại Sơn	122	Thôn Bình Tân	2	610	
	Bình Tân Tây	201				
	Hòa Nghĩa	287				
8	Bình Tân Đông	132	Thôn Trà Bình	2	683	
	Trà Bình Đông	272				
	Trà Bình Tây	279				
9	Vạn Ninh 1	346	Thôn Ninh Thái	2	772	
	Vạn Ninh 2	259				
	Vạn Thái	167				
10	Vĩnh Lý	215	Thôn Vĩnh Nhơn	1	463	
	Vĩnh Nhơn	248				
11	Kiên Phú	208	Thôn Kiên Phú	1	540	
	Mỹ Hội 2	332				
12	Vĩnh Phú 3	282	Thôn Vĩnh Phú	2	653	
	Vĩnh Phú 7	225				
	Vĩnh Phú 8	146				
13	Mỹ Hội 1	229	Thôn Mỹ Hội	1	483	
	Mỹ Hội 3	254				
114	Xã Phù Mỹ Tây	4111	8	7	4111	
1	Thôn Lạc Sơn	232	Thôn Trung Sơn	1	560	
	Thôn Trung Hội	328				
2	Thôn Trinh Vân Bắc	167	Thôn Trinh Vân	1	302	
	Thôn Trinh Vân Nam	135				
3	Thôn Trực Đạo	251	Thôn Trung Trực	1	386	
	Thôn Trung Bình	135				
4	Thôn Chánh Thuận	221	Thôn Thuận Lương	1	542	
	Thôn Trà Lương	321				
5	Thôn Phước Thọ	502	Thôn Phước Thiện	1	780	
	Thôn Phú Thiện	278				
6	Thôn An Lạc 1	302	Thôn An Lạc	1	701	
	Thôn An Lạc 2	399				
7	Thôn Gia Vần	52	Thôn Hội Khánh	1	377	
	Thôn Hội Khánh	325				
8	Thôn Hội Phú	463	Thôn Hội Phú		463	
115	Xã Phú Thiện	10915	22	15	10915	
1	Tổ dân phố 2	419	Thôn Plei Klăh	1	850	
	Tổ dân phố 10	431				
2	Tổ dân phố 5	359	Thôn Phú Thiện	1	704	
	Tổ dân phố 4 (một phần 305 hộ)	305				
	Thôn thắng Lợi 3 (một phần 40 hộ)	40				
3	Tổ dân phố 8	414	Thôn Tân Hiệp	1	891	
	Tổ dân phố 6	477				
4	Tổ dân phố 9	328	Thôn Hiệp Thắng	1	614	
	Tổ dân phố 13	286				
5	Tổ dân phố 3	389	Thôn Plei Knông	0	469	
	Tổ dân phố 4 (một phần: 80 hộ)	80				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
A	B	I	2	3	4	5
6	Thôn Thắng Lợi 1	242	Thôn Thắng Lợi 1	1	382	
	Thôn Thắng Lợi 2 (một phần: 140 hộ)	140				
7	Thôn Thắng Lợi 3 (một phần: 242 hộ)	242	Thôn Thắng Lợi 2	0	344	
	Thôn Thắng Lợi 2 (phần còn lại: 102 hộ)	102				
8	Thôn Ia Jut	221	Thôn Ia Jut	1	498	
	Thôn Plei Tel B	268				
	Thôn Plei Kmek (một phần: 09 hộ)	9				
9	Thôn Kế Tân	259	Thôn Plei Amil	0	319	
	Thôn Plei Amil (một phần: 60 hộ)	60				
10	Thôn Plei Tel A	263	Thôn Plei Tel	1	517	
	Thôn Plei Amil (phần còn lại: 254 hộ)	254				
11	Thôn Ia Ptau	177	Thôn Ia Ptau	1	323	
	Thôn Ia Peng	146				
12	Thôn Plei Kte Nhô	279	Thôn Ia Yeng	1	393	
	Thôn Plei Kram	114				
13	Thôn Plei Kte Lớn A	212	Thôn Plei Kte	2	561	
	Thôn Plei Kte Lớn B	173				
	Thôn Đoàn Kết	176				
14	Thôn Plei Kual	268	Thôn Plei Kual	1	357	
	Thôn Bôn Sô Ma Long	89				
15	Thôn Plei Ksing (một phần: 167 hộ)	167	Thôn Plei Ksing	1	402	
	Thôn Plei Gok	235				
16	Thôn Mơ Nai Trang	132	Thôn Plei Chung	1	422	
	Thôn Plei Chung (một phần: 290 hộ)	290				
17	Thôn Plei Kmek (một phần: 153 hộ)	153	Thôn Plei Trang	1	538	
	Thôn Plei Ia Kơ Al	251				
	Thôn Plei Ksing (một phần: 134 hộ)	134				
18	Thôn Plei Rbai	455	Thôn Plei Rbai	0	466	
	Thôn Plei Chung (một phần: 11 hộ)	11				
19	Tổ dân phố 1	526	Thôn Plei Athai	0	526	
20	Tổ dân phố 7	391	Thôn Mơ Lan	0	391	
21	Tổ dân phố 11	341	Thôn Tam Điệp	0	341	
22	Tổ dân phố 12	607	Thôn Plei Amăng	0	607	
116	Xã Phú Túc	8680	14	16	8680	
1	Tổ dân phố 1	313	Thôn Thống Nhất	1	592	
	Tổ dân phố 2	279				
2	Tổ dân phố 3	271	Buôn Dù	1	606	
	Tổ dân phố 7	335				
3	Tổ dân phố 6	391	Thôn Lâm Viên	0	391	
4	Tổ dân phố 4	382	Buôn Đoàn Kết	1	747	
	Tổ dân phố 5	365				
5	Tổ dân phố 9	398	Thôn Thành Công	1	723	
	Buôn Mlah	325				
6	Tổ dân phố 8	313	Thôn Hòa Phú	1	750	
	Tổ dân phố 10	437				
7	Buôn Bluk	245	Buôn Phú Cần	2	859	
	Thôn Thắng Lợi	383				
	Buôn Thim	231				
8	Buôn Tang	280	Buôn Tang	1	481	
	Thôn Hưng Hà	201				
9	Buôn Chư Ung	214	Buôn Chư Ung	1	458	
	Buôn Sai	244				
10	Buôn Blang	261	Buôn Chư Ngọc	3	859	
	Thôn Thống Nhất	130				
	Buôn H' Muk	175				
	Buôn Djrét	293				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
11	Buôn Prong Buôn Dù	239 141	Buôn Prong	1	380	
12	Buôn Chính Hòa Buôn Tân Tuk	392 218	Buôn Ia Mlah	1	610	
13	Buôn Ia Rnho Buôn Ia Prông	408 388	Buôn Đất Bằng	1	796	
14	Buôn Ia Rpuia Buôn Ma Giai	236 192	Buôn Ma Giai	1	428	
117	Xã Pờ Tó	3372	8	4	3372	
1	Thôn Bi Gia	196	Thôn Bi Gia		196	
2	Thôn Bi Gông	246	Thôn Bi Gông		246	
3	Thôn 5 Thôn 4	285 349	Thôn 3	1	634	
4	Thôn 3 Thôn 2	280 259	Thôn 2	1	539	
5	Thôn 1	458	Thôn 1		458	
6	Thôn Đoàn Kết Thôn Vòng Boong	125 388	Thôn Vòng Boong	1	513	
7	Thôn Bình Hòa Thôn Bình Tây	255 288	Thôn Bình Hòa	1	543	
8	Thôn Plei Du	243	Thôn Plei Du		243	
118	Xã Sơn Lang	3007	8	8	3007	
1	Thôn 1 (trừ 38 hộ đã tách qua thôn 3 mới) Làng Buôn Lưới	211 186	Thôn 1	1	397	
2	Thôn 2 (trừ 153 hộ tách qua thôn 4 mới) Thôn 5 (37 hộ) Làng Tơ Kor	232 37 156	Thôn 2	1	425	
3	Thôn 3 Thôn 5 (trừ 37 hộ tách qua Thôn 2 mới) Thôn 1 (38 hộ)	223 90 38	Thôn 3	0	351	
4	Thôn 4 Thôn 2 (153 hộ)	296 153	Thôn 4	1	449	
5	Làng Hà Nừng Thôn Thống Nhất (187 hộ)	150 187	Thôn 5	0	337	
6	Thôn Thống Nhất (40 hộ) Thôn Hợp Thành	40 263	Thôn 6	1	303	
7	Làng Đăk A Sêl Làng Srăt	120 163	Thôn 7	1	283	
8	Làng Đăk Tơ Nglông Làng Hà Lâm Thôn Trạm Lập Làng Điện Biên	75 123 113 151	Thôn 8	3	462	
119	Xã SRó	1696	6	6	1696	
1	Làng Quel Thôn 1	189 117	Làng Quel	1	306	
2	Làng Sơ Ró Làng Kurok	103 123	Làng Sơ Ró	1	226	
3	Thôn 2 Làng Pting	166 52	Làng Pting	1	218	
4	Thôn 3 Làng Bơ ya Làng Tkăt	51 174 110	Làng Bơ ya	2	335	
	Làng Nhang lớn	194				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
5	Làng Tkắt (Làng Nhang nhỏ (cũ))	66	Làng Nhang Htiên	1	377	
	Làng Htiên	117				
6	Làng Hrách	234	Làng Hrách	0	234	
120	Xã Tây Sơn	13005	10	10	13005	
1	Khối 1	501	Thôn Kiên Mỹ	2	1.612	
	Khối 1A	660				
	Khối Thuận Nghĩa	451				
2	Khối 2	488	Thôn Phú Phong	2	1.712	
	Khối 3	658				
	Khối 4	566				
3	Khối 5	763	Thôn Phú Vãn	1	1.278	
	Khối Phú Vãn	515				
4	Thôn Phú An	1.092	Thôn Tây Xuân	1	1.796	
	Thôn Phú Hòa	704				
5	Thôn 1	838	Thôn Lai Nghi	1	1.340	
	Thôn Lai Nghi	502				
6	Thôn 2	716	Thôn Bình Nghi	1	1.282	
	Thôn Thủ Thiện Thượng	566				
7	Thôn 3	853	Thôn Thủ Thiện	2	1.883	
	Thôn 4	247				
	Thôn Thủ Thiện Hạ	783				
8	Khối Hòa Lạc	737	Thôn Hòa Lạc		737	
9	Khối Phú Xuân	1.154	Thôn Phú Xuân		1.154	
10	Thôn Đồng Sim	211	Thôn Đồng Sim		211	
121	Xã Tơ Tung	2712	10	9	2712	
1	Làng Sơ Tor	106	Làng Sơ Tor	2	388	
	Làng Kuk Tung	107				
	Làng Đak PoKao	175				
2	Làng Leng	80	Làng Đồng Tâm	1	307	
	Làng Đồng Tâm	227				
3	Làng Nam Cao	135	Làng Trường sơn	1	331	
	Làng Trường sơn	196				
4	Làng Cao Sơn	128	Làng Cao Sơn	1	228	
	Làng Kléché	100				
5	Làng Mohra-Đáp	205	Làng Mohra-Đáp	1	253	
	Làng Dong	48				
6	Làng Bờ-Chur Pâu	155	Làng Pơ Ngál	1	305	
	Làng Pơ Ngál	150				
7	Làng Mohven-Ôr	145	Làng Mohven-Ôr	1	237	
	Làng Mơ Tôn	92				
8	Làng Kdáu	60	Thôn Hbang	1	245	
	Thôn Hbang	185				
9	Làng Kgiang	202	Làng Kgiang	0	202	
10	Làng Đam Khong	216	Làng Đam Khong	0	216	
122	Xã Tuy Phước	19680	15	17	19680	
1	Phú Mỹ 1	661	Thôn Phú Mỹ	1	1055	
	Phú Mỹ 2	394				
2	Quảng Tín	423	Thôn Thành Tín	2	1406	
	Đại Tín	541				
	Trung Thành	442				
3	Hanh Quang	489	Thôn Phước Lộc	2	1107	
	Phong Tấn	332				
	Quang Hy	286				
4	Vĩnh Hy	440	Thôn Vĩnh Thạnh	2	1084	
	Vĩnh Thạnh 2	220				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Vinh Thạnh 1	424				
5	Mỹ Điền Thạnh Thế	906 109	Thôn Mỹ Điền	1	1015	
6	Công Chánh Trung Tín 2	749 864	Thôn Công Chánh	1	1613	
7	Trung Tín 1 Phong Thạnh	1309 421	Thôn Trung Tín	1	1730	
8	Điều Trì Luật Lễ	996 654	Thôn Điều Trì	1	1650	
9	Vân Hội 1 Vân Hội 2	1049 1076	Thôn Vân Hội	1	2125	
10	Thọ Nghĩa Hưng Nghĩa 1	355 379	Thôn Phước Nghĩa	0	734	
11	Hưng Nghĩa 2 Huỳnh Mai	360 396	Thôn Huỳnh Mai	1	756	
12	Lộc Hạ Liên Thuận	951 461	Thôn Lộc Hạ	1	1412	
13	Nhân Ân Bình Thái	1034 319	Thôn Nhân Ân	1	1353	
13	Tân Thuận Phổ Trạch	501 833	Thôn Phước Thuận	1	1334	
15	Quảng Vân Diêm Vân	775 531	Thôn Quảng Vân	1	1306	
123	Xã Tuy Phước Bắc	13530	13	13	13530	
1	Thôn Quảng Nghiệp	1127	Thôn Quảng Nghiệp	0	1127	
2	Thôn Biểu Chánh Thôn An Cửu	325 656	Thôn Phước Hưng	1	981	
3	Thôn Tân Hội Thôn Lương Lộc Thôn Háo Lễ (Xóm 15, 16)	340 334 365	Thôn Hiếu Đức	2	1039	
4	Thôn Háo Lễ (Xóm 14) Thôn Nho Lâm	287 592	Thôn Nho Lâm	0	879	
5	Thôn Tri Thiện Thôn Phục Thiện Thôn Lộc Ngãi	446 221 400	Thôn Thiện Nghĩa	2	1067	
6	Thôn Định Thiện Tây Thôn Định Thiện Đông	803 519	Thôn Định Thiện	1	1322	
7	Thôn Văn Quang Thôn Tân Điền Thôn Quảng Điền	420 232 208	Thôn Phước Quang	2	860	
8	Thôn Luật Bình Thôn Lương Quang Thôn An Hòa	451 384 164	Thôn Nước Mặn	2	999	
9	Thôn Đại Lễ Thôn Luật Chánh	588 759	Thôn Đại Chánh	1	1347	
10	Thôn Lục Lễ	748	Thôn Lục Lễ	0	748	
11	Thôn Giang Bắc (trừ một phần của xóm 31)	858	Thôn Giang Bắc	0	858	
12	Thôn Giang Bắc (Một phần của xóm 31) Thôn Giang Nam Thôn Xuân Mỹ	100 491 504	Thôn Nam Xuân	1	1095	
13	Thôn Tuấn Lễ Thôn Tú Thủy	815 393	Thôn Phước Hiệp	1	1208	
124	Xã Tuy Phước Đông	14956	15	14	14956	
1	Kỳ Sơn	785	Thôn Kỳ Sơn		785	

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
2	Phụng Sơn	1021	Thôn Phụng Sơn		1021	
3	Xuân Phương	978	Thôn Xuân Phương		978	
4	Vinh Quang 2	1215	Thôn Vinh Quang		1145	
5	Lộc Trung	275	Thôn Quang Trung	1	745	
	Vinh Quang 1	400				
6	Mỹ Cang	593	Thôn Phước Sơn	1	1069	
	Mỹ Trung	476				
7	Lộc Thượng	688	Thôn Lộc Thiện	1	1101	
	Dương Thiện	413				
8	Bình Lâm	749	Thôn Bình Lâm	1	931	
	Tân Mỹ	182				
9	Kim Tây	747	Thôn Phước Hòa	1	1136	
	Kim Đông	389				
10	Hữu Thành	519	Thôn Trường Thuế	1	872	
	Kim Xuyên	203				
11	Tân Giản	550	Thôn Gò Bồi	1	1158	
	Tùng Giản	758				
12	Huỳnh Giản Nam	503	Thôn Huỳnh Giản	1	982	
	Huỳnh Giản Bắc	479				
13	Phổ Đồng	229	Thôn Phước Thắng	2	1041	
	Tư Cung	524				
	Thanh Quang	388				
14	Khuông Bình	239	Thôn Bình Thành	2	801	
	Lương Bình	281				
	Dương Thành	181				
15	Lạc Điền	610	Thôn Lạc Điền	2	1191	
	An Lợi	336				
	Đông Điền	245				
125	Xã Tuy Phước Tây	9663	7	7	9663	
1	Thôn Ngọc Thạnh 1	822	Thôn Ngọc Thạnh	1	1.429	
	Thôn Ngọc Thạnh 2	607				
2	Thôn An Hòa 1	809	Thôn An Hòa	1	1.583	
	Thôn An Hòa 2	774				
3	Thôn An Sơn 1	508	Thôn An Sơn	1	1.059	
	Thôn An Sơn 2	551				
4	Thôn Đại Hội	667	Thôn Đại Hội	1	1.142	
	Thôn Qui Hội	475				
5	Thôn Thanh Huy 1	485	Thôn Thanh Huy	1	848	
	Thôn Thanh Huy 2	363				
6	Thôn Cảnh An 1	1.071	Thôn Cảnh An	1	1.873	
	Thôn Cảnh An 2	802				
7	Thôn Bình An 1	940	Thôn Bình An	1	1.729	
	Thôn Bình An 2	789				
126	Xã Uar	4730	10	6	4730	
1	Buôn Nung	161	Buôn Ia Jíp	1	457	
	Buôn Ia Jíp	296				
2	Thôn Huy Hoàng	474	Thôn Huy Hoàng	1	726	
	Buôn Toát	252				
3	Buôn Ngól	205	Thôn Thanh Bình	2	704	
	Buôn Choanh	298				
	Thôn Thanh Bình	201				
4	Buôn Tiang	233	Buôn Tiang	1	499	
	Thôn An Bình	266				
5	Thôn Hưng Phú	214	Thôn Hưng Phú	1	448	
	Thôn Quỳnh Phú	234				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
6	Buôn Phùm	363	Buôn Phùm	0	363	
7	Buôn Nu	436	Buôn Nu	0	436	
8	Buôn Suối Cầm	375	Buôn Suối Cầm	0	375	
9	Buôn Chư Krih	337	Buôn Chư Krih	0	337	
10	Buôn Thành Công	385	Buôn Thành Công	0	385	
127	Xã Vân Canh	3766	9	14	3766	
1	Thôn 2	120	Thôn Hiệp Hà	2	461	
	Thôn 3	121				
	Thôn Hiệp Hà	220				
2	Thôn Hiệp Hội	217	Thôn Hiệp Hội	1	505	
	Thôn Hiệp Giao	288				
3	Thôn Thịnh Văn 1	428	Thôn Thịnh Văn 1	1	565	
	Thôn Đắc Đum	137				
4	Thôn Thịnh Văn 2	131	Thôn Thịnh Văn 2	3	462	
	Thôn Suối Máy	75				
	Thôn Tân Thuận	135				
	Thôn Kinh tế	121				
5	Làng Hòn Mê	173	Làng Hòn Mê	1	430	
	Làng Kà Xim	257				
6	Thôn Canh Tân	127	Làng Canh Sơn	2	354	
	Làng Hà Lũy	135				
	Làng Hà Văn Dưới	92				
7	Làng Kà Bưng	58	Làng Hà Văn Trên	2	269	
	Làng Hà Văn Trên	108				
	Làng Kà Te	103				
8	Làng Canh Thành	344	Làng Canh Hòa	2	655	
	Làng Canh Phước	176				
	Làng Canh Lành	135				
9	Làng Canh Giao	65	Làng Canh Giao	0	65	
128	Xã Vạn Đức	5607	7	6	5607	
1	Thôn 1	118	Thôn Ân Sơn	1	193	
	Thôn 2	75				
2	Thôn Vạn Hội 1	485	Thôn Vạn Hội	1	1.019	
	Thôn Vạn Hội 2	534				
3	Thôn Thanh Lương	553	Thôn Ân Tín	1	958	
	Thôn Năng An	405				
4	Thôn Vĩnh Đức	732	Thôn Vĩnh Đức	0	732	
5	Thôn Hội An	495	Thôn Ân Thạnh	1	854	
	Thôn Phú Vãn	359				
6	Thôn Thế Thạnh 1	472	Thôn Thế Thạnh	1	954	
	Thôn Thế Thạnh 2	482				
7	Thôn An Thường 1	345	Thôn An Thường	1	897	
	Thôn An Thường 2	552				
129	Xã Vĩnh Quang	2770	8	12	2770	
1	Làng 1	77	Thôn Vĩnh Thuận	3	260	
	Làng 2	82				
	Làng 4	37				
	Làng 8	64				
2	Làng 3	62	Thôn Định Nhi	3	215	
	Làng 5	63				
	Làng 6	32				
	Làng 7	58				
3	Thôn M8	52	Thôn Tiên An	3	334	
	Thôn M9	116				
	Thôn M10	59				
	Thôn Tiên An	107				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
4	Thôn M6	118	Thôn Vĩnh Hòa	2	322	
	Thôn M7	70				
	Thôn Tiên Hoà	134				
5	Thôn Định Trường	125	Thôn Định Thái	1	428	
	Thôn Định Thái	303				
6	Thôn Định Quang	384	Thôn Định Quang	0	384	
7	Thôn Định Trung	414	Thôn Định Trung	0	414	
8	Thôn Định Xuân	413	Thôn Định Xuân	0	413	
130	Xã Vĩnh Sơn	1682	6	6	1682	
1	Thôn K2	254	Thôn K2	1	392	
	Thôn Suối Đá	138				
2	Thôn K3	168	Thôn K4	1	415	
	Thôn K4	247				
3	Thôn K8	158	Thôn K8	1	269	
	Thôn Suối Cát	111				
4	Thôn O3	42	Thôn O5	3	356	
	Thôn O5	167				
	Thôn Đắc Tra	107				
	Thôn Kông Trú	40				
5	Thôn O2	56	Thôn O2	0	56	
6	Thôn K6	194	Thôn K6	0	194	
131	Xã Vĩnh Thạnh	2987	6	5	2987	
1	Thôn Định Nhất	316	Thôn Định Nhất	1	599	
	Thôn Định Tam	283				
2	Định Trị	171	Thôn Định Trị	1	456	
	Thôn Định An	285				
3	Thôn Tà Điệp	112	Thôn Tà Điệp	2	309	
	Thôn Kon Kring	78				
	Thôn Klot Pok	119				
4	Thôn Định Tân	311	Thôn Định Thiện	1	703	
	Thôn Định Thiện	392				
5	Thôn Định Tố	468	Thôn Định Tố	0	468	
6	Thôn Định Bình	452	Thôn Định Bình	0	452	
132	Xã Vĩnh Thịnh	3007	8	8	3007	
1	Thôn Vĩnh Bình	191	Thôn Vĩnh Hòa	1	486	
	Thôn Vĩnh Hòa	295				
2	Thôn An Nội	272	Thôn Vĩnh Trường	1	439	
	Thôn Vĩnh Trường	167				
3	Thôn Vĩnh Thái	258	Thôn Vĩnh Thái	1	492	
	Thôn Vĩnh Định	234				
4	Thôn M2	111	Thôn Kon Tơ Lok	2	227	
	Thôn M3	71				
	Thôn Tà Lét	45				
5	Thôn Vĩnh Phúc	170	Thôn Vĩnh Phúc	1	354	
	Thôn Vĩnh Thọ	184				
6	Thôn Hà Ri	157	Thôn Hà Ri	1	220	
	Thôn Thạnh Quang	63				
7	Thôn Vĩnh Cửu	313	Thôn Vĩnh Cửu	1	437	
	Thôn Vĩnh Khương	124				
8	Thôn An Ngoại	352	Thôn An Ngoại	0	352	
133	Xã Xuân An	7356	7	11	7356	
1	Phú Gia	1350	Thôn Phú Gia	0	1350	
2	Xuân An	874	Thôn Cát Tường	1	1246	
	Tường Sơn	372				

Stt	Tên thôn, Tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Dự kiến Tên gọi mới sau sắp xếp	Số lượng thôn, Tổ dân phố giảm	Số lượng hộ gia đình sau sắp xếp	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
3	Kiêu Đông	448	Thôn Xuân Quang	2	1032	
	Xuân Quang	464				
	Chánh Hòa	120				
4	Chánh Liêm	547	Thôn Chánh Liêm	2	896	
	Chánh Lạc	216				
	Chánh Lý	133				
5	Chánh Nhơn	702	Thôn Chánh Mẫn	1	1285	
	Chánh Mẫn	583				
6	Đại Hào	164	Thôn Đại Hữu	3	698	
	Trung Bình	131				
	An Nông	98				
	Đại Hữu	305				
7	Đại Lợi	185	Thôn Cát Nhơn	2	849	
	Đại Ân	280				
	Liên Trì	384				
134	Xã Ya Hội	2208	5	4	2208	
1	Thôn An Phú	330	Thôn An Phú	0	330	
2	Thôn An Quý	272	Thôn An Quý	1	409	
	Làng Đêchogang	137				
3	Thôn An Hòa	449	Thôn An Hòa	1	713	
	Thôn An Phong	264				
4	Làng Groi	187	Làng Groi	1	406	
	Làng Brang Đak Kliết	219				
5	Làng Mông	173	Làng Bung Tờ Sồ	1	350	
	Làng Bung Tờ Sồ	177				
135	Xã Ya Ma	1956	6	7	1956	
1	Thôn 1	320	Làng Kông Yang	1	449	
	Làng Bà Bã	129				
2	Thôn 2	310	Làng Hunh Dong	1	440	
	Làng Hunh Dong	130				
3	Làng Hunh Đắc	87	Làng Húp	2	208	
	Làng Húp	56				
	Làng Hra	65				
4	Làng Brăng	120	Làng Đắc Tơ Pang	1	258	
	Làng Kpiêu Kông	138				
5	Làng Đắc Hway	126	Làng Đắc Hway	0	126	
6	Làng Hơn	77	Làng Tnung - Măng	2	475	
	Làng Tnung Măng	239				
	Làng Tnung 1	159				